

Ngày soạn: 21/2/25

Tiết 28,29

THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 4

CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

I. Mục tiêu

1. Năng lực

- Hiểu được khái niệm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc.
- Khai thác các nguồn tư liệu (tư liệu lịch sử, địa lí, chính trị, bản đồ) để nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam;
- Suu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam trước năm 1945.
- Nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi, không thành công của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.
- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
- Trình bày được bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trước năm 1945.
- Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. Từ đó, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2. Phẩm chất

- Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động Khởi động:

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh; kích thích hứng thú học tập; xác định các nhiệm vụ học tập của chủ đề là chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng tám năm 1945)

b. Tổ chức thực hiện

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập :

Các em xem Video dưới đây và trả lời các câu hỏi sau: (GV cho HS xem câu hỏi trước để định hướng kiến thức, sau đó mở Video, quan sát hình ảnh)

Câu hỏi	Trả lời
1. Em biết gì về sự kiện lịch sử trên?	
Tên sự kiện	
Nhân vật Lịch sử	
Kết quả	
2. Em chưa biết gì sự kiện này? (Ý nghĩa lịch sử, đặc điểm, độc đáo trong nghệ thuật quân sự...)	

3. Em mong muốn tìm hiểu thêm những gì về hai sự kiện lịch sử trên?	
--	--

** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh trao đổi, thảo luận để đưa ra ý kiến trả lời câu hỏi
- Sản phẩm dự kiến:

Câu hỏi	Trả lời
1. Em biết gì về sự kiện lịch sử trên	
Tên sự kiện	Chiến thắng Bạch Đằng (938) Khởi nghĩa Lam Sơn (1427)
Nhân vật Lịch sử	Ngô Quyền, Lê Lợi, Nguyễn Trãi
Kết quả	Ta giành thắng lợi
2. Em chưa biết gì sự kiện này? Ý nghĩa, đặc điểm, độc đáo....	- Chiến thắng Bạch Đằng là tiêu biểu cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc - Khởi nghĩa Lam sơn là tiêu biểu chiến tranh giải phóng
3. Em mong muốn tìm hiểu thêm nhưng gì về những sự kiện lịch sử này?	Chúng ta tìm hiểu trong chủ đề 4

Bước 3: Kết luận, nhận định dẫn dắt vào bài mới

- GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (20 phút)

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Hiểu được khái niệm “chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” và “chiến tranh giải phóng dân tộc”.
- Khai thác các nguồn tư liệu (tư liệu lịch sử, địa lí, chính trị, bản đồ) để **nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam;**

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Khái niệm chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc.

GV sử dụng kĩ thuật “động não”, yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thảo luận đưa ra những ý kiến của mình (PHIẾU HỌC TẬP 1)

+ Hỏi: Đọc tư liệu và quan sát hình ảnh trên, em hãy kể tên đây là những sự kiện nào trong lịch sử Việt Nam? Em biết gì về các sự kiện đó?

+ Kháng chiến chống thực dân Pháp (nửa sau thế kỉ XIX)

+ Cách mạng tháng Tám năm 1945.

+ Hỏi: Từ đó, em hiểu thế nào là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc?

Tư liệu 1:

- Đầu tháng 9/1858, thực dân Pháp nổ súng tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, dân tộc ta phải đương đầu với họa xâm lăng từ một nước phương Tây, hoàn toàn chiếm ưu thế về tiềm lực kinh tế, quân sự, nhất là về vũ khí, công nghệ quân sự. Với truyền thống yêu nước nồng nàn và ý chí kiên cường, bất khuất, trong suốt nửa cuối thế kỷ 19 (1858-1896), đông đảo nhân dân trên khắp mọi miền đất nước đã anh dũng chiến đấu, tích cực cùng quan quân triều đình hoặc tự mình đứng lên chống thực dân Pháp. Mặc dù thực dân Pháp khuất phục được triều đình nhà Nguyễn, nhưng không thể đè bẹp tinh thần kháng chiến của dân tộc Việt Nam.

Tư liệu 2

Cách đây tròn 77 năm, ngày 19-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn thể Nhân dân Việt Nam nhất thể đứng dậy làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, đập tan xiềng xích của chế độ thực dân phong kiến, giành lại độc lập dân tộc, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình, đó là một kỳ tích trong giải phóng dân tộc.

Ảnh 1.**Ảnh 2.**

Nhiệm vụ 1. Đọc tư liệu và quan sát hình ảnh trên, em hãy kể tên đây là những sự kiện nào trong lịch sử Việt Nam? Em biết gì về các sự kiện trên?

- Từ đó, em hiểu thế nào là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc?

Nhiệm vụ 2: Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

Đọc thông tin, tư liệu và quan sát bản đồ (sgk lịch sử 11 – Cánh Diều), hãy vẽ sơ đồ tư duy trình bày tổng quan vị trí địa chiến lược của Việt Nam?

Sơ đồ tư duy vị trí địa chiến lược của Việt Nam...

- Hoạt động nhóm: GV sử dụng kỹ thuật “Sơ đồ tư duy” yêu cầu HS 2 nhóm thảo luận: Đọc thông tin, tư liệu và quan sát bản đồ (sgk lịch sử 11 – Cánh Diều); vẽ sơ đồ tư duy trình bày tổng quan vị trí địa chiến lược của Việt Nam? (Thời gian: 4 phút)

GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh kiến thức.

- Gợi ý: Cho biết vị trí đó có ảnh hưởng như thế nào đến lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam? (do Việt Nam có vị trí địa chiến lược quan trọng, nên trong suốt tiến trình lịch sử Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Nhiệm vụ 1. Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau.

Nhiệm vụ 2. HS vẽ sơ đồ tư duy trình bày tổng quan vị trí địa chiến lược của Việt Nam?

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét.

- GV thu sơ đồ tư duy của HS, mời đại diện 1 – 2 HS trình bày và chia sẻ những nội dung có liên quan đến bài học.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

* rubric đánh giá Sơ đồ tư duy của 2 nhóm

Lưu ý: HS tự nhận xét ưu nhược điểm của các nhóm

Nội dung yêu cầu		Mức đánh giá	
	1 (Chưa đạt)	2 (Khá)	3 (Tốt)
Phần thông tin	HS nêu được 1/3 đặc điểm	HS nêu được 2/3 đặc điểm	HS nêu được 3/3 đặc điểm
Phần hình thức	Sơ đồ của HS chưa thể hiện ý lớn, ý nhỏ, chưa viết đúng từ khóa.	Sơ đồ của HS có thể hiện ý lớn, ý nhỏ. Vài từ khóa chưa phù hợp.	Sơ đồ của HS có thể hiện ý lớn, ý nhỏ. Từ khóa phù hợp.

Sản phẩm dự kiến

1. Khái niệm: Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc.

- *Chiến tranh giải phóng dân tộc* là chiến tranh do các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc tiến hành nhằm giải phóng khỏi ách thống trị của nước ngoài....

- *Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* được tiến hành vì mục đích bảo vệ nền an ninh, toàn vẹn lãnh thổ, nền độc lập tự do của tổ quốc, quyền tự quyết của dân tộc....

2. Vị trí địa chiến lược của Việt Nam.

+ Việt Nam nằm ở Đông Nam Á - khu vực được coi là ngã tư giữa lục địa Á - Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trên tuyến đường giao thông, giao thương lâu đời và quan trọng giữa Trung Quốc và Ấn Độ.

+ Liền kề Trung Quốc, án ngữ Biển Đông, lại nằm ở vị trí cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo nên Việt Nam là địa bàn “tiền tiêu” của Đông Nam Á từ phía bắc, là “cửa ngõ” để tiến vào bán đảo Trung - Ấn từ phía đông và Trung Quốc từ phía nam.

=> Với vị trí chiến lược nổi bật, trong nhiều thế kỉ, lãnh thổ Việt Nam thường xuyên là đối tượng nhòm ngó, can thiệp hoặc xâm lược của các thế lực bên ngoài. Trong suốt tiến trình

lịch sử, Việt Nam là địa bàn cạnh tranh địa - chính trị, xác lập và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới.

Bước 4. Kết luận, nhận định.

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.
- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.
- GV chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 2. Tìm hiểu một số cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam trước năm 1945

a. Mục tiêu:

- Suu tầm tài liệu lịch sử về.....để trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam trước năm 1945.
- Nêu được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi và thất bại của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.

b. Các bước thực hiện

- Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động nhóm (10 phút)

Chia lớp thành 5 nhóm hoàn thành bảng thống kê theo mẫu.

+ **Nhóm 1:** Tìm hiểu Kháng chiến chống quân Nam Hán (938), Kháng chiến chống quân xâm lược Tống (năm 981).

+ **Nhóm 2:** Tìm hiểu Kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077), Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông.

+ **Nhóm 3:** Tìm hiểu Kháng chiến chống quân Xiêm (1784 – 1785), chống quân Thanh (1789).

+ **Nhóm 4:** Tìm hiểu Các cuộc kháng chiến chống quân Triệu và quân Minh.

+ **Nhóm 5:** Tìm hiểu Kháng chiến chống thực dân Pháp.

- Thực hiện nhiệm vụ:

HS: Suu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử, thảo luận nhóm tìm hiểu tài liệu và hoàn thành bảng thống kê và báo cáo.

Bảng 1: Thống kê một số cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam trước năm 1945

STT	Tên cuộc kháng chiến	Bối cảnh lịch sử	Kết quả	Ý nghĩa	Nguyên nhân Thắng lợi/thất bại
					
					

GV: quan sát, hướng dẫn hỗ trợ HS.

- Báo cáo thảo luận:

GV mời đại diện nhóm trình bày báo cáo.

HS các nhóm khác nhận xét, đánh giá, bổ sung.

GV nhận xét, chỉnh sửa, bổ sung bằng phiếu đánh giá.

- Kết luận, nhận định:

GV chuẩn hóa kiến thức cho HS hoàn thành bảng thống kê, trình chiếu làm rõ, nhấn mạnh một số nội dung trong bảng.

2. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu.

STT	Các cuộc kháng chiến tiêu biểu	Bối cảnh lịch sử	Kết quả	Ý nghĩa	Nguyên nhân thắng lợi
1	Kháng chiến chống quân Nam Hán (938)	Cuối năm 938, quân Nam Hán xâm lược nước ta.	Thắng lợi	Mở đầu thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc	- Tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất của người Việt. - Mang tính chính nghĩa.
2	Kháng chiến chống quân xâm lược Tống (981)	Đầu 981, quân Tống tiến hành xâm lược Đại Cồ Việt.	Thắng lợi	- Nền độc lập của Đại Cồ Việt được giữ vững.	- Tinh thần đoàn kết dân tộc. - Đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn hiệu quả.
3	Kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 – 1077)	Vào những năm 70 của thế kỉ XI, trong lúc Đại Việt đang phát triển thì nhà Tống bước vào giai đoạn khủng hoảng.	Thắng lợi	- Thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho thế hệ sau.	- Nghệ thuật quân sự sáng tạo độc đáo. - Sự chỉ huy tài tình của các tướng lĩnh.
4	Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông	Đầu năm 1258, thực hiện ý đồ đánh chiếm Nam Tống từ phía Nam, 3 vạn quân Mông Cổ tràn vào Đại Việt.	Thắng lợi	- Khẳng định sức mạnh đoàn kết dân tộc. - Đập tan âm mưu xâm lược Việt Nam của quân Nguyên - Mông.	- Các thế lực ngoại xâm phải đối diện với nhiều khó khăn.

5	Kháng chiến chống quân Xiêm (1784 – 1785)	Giữa năm 1784, 5 vạn quân Xiêm kéo vào gia Định với danh nghĩa quân Nguyễn Ánh.	Thắng lợi	- Bảo vệ độc lập chủ quyền. Thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho thế hệ sau.	
6	Kháng chiến chống quân Thanh (1789)	Cuối năm 1788, theo cầu viện của vua Lê Chiêu Thống, nhà Thanh cử Tôn Sĩ Nghị dẫn 29 vạn quân tiến vào Đại Việt.	Thắng lợi		

3. Một số cuộc kháng chiến không thành công.

STT	Tên cuộc KC	Bối cảnh lịch sử	Kết quả	Ý nghĩa	Nguyên nhân thất bại
1	KC chống quân Triệu (TK II CN)	Năm 179TCN, Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc	An Dương Vương tổ chức kháng chiến nhưng nhanh chóng thất bại	Thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta	Triều đình Âu lạc mất cảnh giác không có sự phòng bị
2	KC chống quân Minh (đầu TK XV)	Cuối năm 1406, nhà Minh đem quân đánh Đại Ngu.	Nhà Hồ tổ chức kháng chiến, nhưng nhiều lần phải rút quân. Kết quả cuối cùng bị thất bại	Thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta	Không có đường lối kháng chiến đúng đắn, quân dân mất đoàn kết
3	KC chống TDP (nửa	- Trong nước: + Việt Nam có vị trí chiến lược quan	- 1883-1884: Triều đình Huế và Pháp kí hiệp ước Hắc-măng và Pa – tơ – nôt	- Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm chống	Không có đường lối kháng chiến đúng đắn.

	sau TK XIX)	trọng, giàu tài nguyên... + CDPK Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng - Bên ngoài: CNTB Pháp đang chuyển sang giai đoạn CNĐQ	Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến.	giặc ngoại xâm của nhân dân ta	- Không đoàn kết hợp lực với nhân dân. - So sánh lực lượng chênh lệch
--	-------------	---	---	--------------------------------	--

HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trước cách mạng tháng Tám năm 1945

1. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

a. Mục tiêu

- Lập được bảng tóm tắt nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc.
- Rèn luyện kĩ năng hoạt động nhóm, giao tiếp, kĩ năng thuyết trình.

b. Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS khai thác nguồn tư liệu mục 1 SGK trang 53,54,55,56 (sách Cánh diều) và hoàn thành phiếu học tập sau trong thời gian 5 phút:

Nhóm 1: Tìm hiểu K/N Hai Bà Trưng

Nhóm 2: Tìm hiểu K/N Bà Triệu

Nhóm 3: Tìm hiểu K/N Lý Bí

Nhóm 4: Tìm hiểu K/N Phùng Hưng

PHIẾU HỌC TẬP

STT	TÊN K/N	NGUYÊN NHÂN	DIỄN BIẾN CHÍNH	KẾT QUẢ	Ý NGHĨA LỊCH SỬ
1	K/N Hai Bà Trưng (Năm 40-43)				
2	K/N Bà Triệu (Năm 248)				
3	K/N Lý Bí (Năm 542-602)				
4	K/N Phùng Hưng (Cuối thế kỉ VIII)				

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, khai thác tài liệu và trả lời câu hỏi

* Báo cáo, thảo luận:

- GV hướng dẫn HS trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành. Nhóm HS cử đại diện HS lên thuyết trình sản phẩm. Lưu ý thời gian thuyết trình không quá 5 phút
- Các nhóm khác quan sát, lắng nghe, nhận xét.

*** Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Kết hợp với phiếu nhận xét của HS nhóm khác, đánh giá cho điểm nhóm thực hiện.
- GV chốt nội dung trên ti vi hoặc máy chiếu.

STT	TÊN K/N	NGUYÊN NHÂN	DIỄN BIẾN CHÍNH	KẾT QUẢ	Ý NGHĨA LỊCH SỬ
1	K/N Hai Bà Trưng (Năm 40)	Bất bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Hán.	- Mùa Xuân năm 40, Hai Bà Trưng nổi dậy khởi nghĩa ở Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Nội). Được đông đảo nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. - Quân khởi nghĩa nhanh chóng làm chủ Mê Linh, sau đó hạ thành Cổ Loa, tiến đánh và làm chủ Luy Lâu (Bắc Ninh). - Sau khi giành thắng lợi, Trưng Trắc được suy tôn làm vua, đóng đô ở Mê Linh. - Năm 42, nhà Hán sai tướng Mã Viện đem quân sang đàn áp. Nghĩa quân của Hai Bà Trưng kháng cự quyết liệt trong gần 1 năm, nhưng do thế giặc mạnh, nên buộc phải rút quân về Hát Môn; Hai Bà Trưng gieo mình xuống sông Hát tuấn tiết (năm 43)	- Cuộc khởi nghĩa giành được quyền tự chủ trong ba năm nhưng cuối cùng bị đàn áp do tương quan lực lượng chênh lệch.	- Nền độc lập dân tộc được khôi phục. - Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân dân tộc. - Khẳng định ý thức độc lập của dân tộc. - Khẳng định vai trò lớn lao của người phụ nữ Việt Nam.
2	K/N Bà Triệu Năm 248	Đầu thế kỉ II, do chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Ngô, phong trào đấu tranh của người Việt tiếp tục bùng nổ, tiêu biểu	- Năm 248, tại Cửu Chân (Thanh Hoá), khởi nghĩa bùng nổ - Lực lượng nghĩa quân đã đánh hạ nhiều huyện lỵ, thành ấp ở Cửu Chân, Cửu Đức, Nhật Nam. Quan lại nhà Ngô từ thái thú đến huyện lệnh, huyện trưởng hoặc bị giết, hoặc bỏ trốn.	Chiếm được nhiều huyện lỵ, khiến cả Giao Châu chấn động nhưng cuối cùng bị đàn áp.	- Làm rung chuyển chính quyền đô hộ. - Góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này.

		nhất là cuộc khởi nghĩa Bà Triệu	Cuộc khởi nghĩa khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động. - Trước tình hình đó, nhà Ngô đem quân sang đàn áp. Do lực lượng quân Ngô quá mạnh, khởi nghĩa đã bị đàn áp, Bà Triệu anh dũng hi sinh tại khu vực núi Tùng (Thanh Hoá).		
3	K/N Lý Bí (Năm 542-602)	Chế độ cai trị khắc nghiệt của nhà Lương.	- Đầu năm 542, khởi nghĩa bùng nổ, lật đổ chính quyền đô hộ, làm chủ Giao Châu. - Đầu năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập ra nước Vạn Xuân, đóng đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), lập triều đình, dựng điện Vạn Thọ và xây chùa Khai Quốc. - Năm 545, quân Lương sang xâm lược nước Vạn Xuân. Triệu Quang Phục thay Lý Bí tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến, xây dựng căn cứ tại đầm Dạ Trạch (Hưng Yên). Kháng chiến thắng lợi, Triệu Quang Phục lên làm vua, gọi là Triệu Việt Vương. + Năm 602, nhà Tùy đưa quân sang xâm lược, nước Vạn Xuân chấm dứt.	Tự làm chủ lấy nước mình, lập nước Vạn Xuân, xưng là hoàng đế, đặt niên hiệu riêng, xây dựng triều đình tự chủ. Nhưng cuối cùng cũng bị đàn áp.	Cuộc khởi nghĩa Lý Bí cuối cùng thất bại nhưng đã chứng tỏ tinh thần độc lập, tự cường của người Việt, góp phần thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở giai đoạn sau, “mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này”.
4	K/N Phùng Hưng (Cuối thế kỉ VIII)	Do chính sách bóc lột nặng nề của nhà Đường.	- Khoảng năm 766-780, Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải đã họp quân khởi nghĩa ở Đường Lâm. - Nhân dân các vùng xung quanh nổi dậy hưởng ứng và giành được quyền làm chủ	Giành được quyền tự chủ trong 9 năm nhưng cuối cùng bị đàn áp	Tiếp tục khẳng định quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những

			vùng đất của mình. ít lâu sau, Phùng Hưng kéo quân về bao vây phủ thành Tống Bình. Viên đô lộ là Cao Chính Bình phải rút vào thành cố thủ, rồi sinh bệnh chết. Phùng Hưng chiếm được thành, sắp đặt việc cai trị.		thắng lợi to lớn về sau.
--	--	--	--	--	--------------------------

Hoạt động 2: tìm hiểu mục 2. Khởi nghĩa Lam Sơn

a. Mục tiêu

- Nêu được bối cảnh lịch sử khởi nghĩa Lam Sơn.
- Trình bày được diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

b. Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ

- **Nhiệm vụ 1:** HS khai thác tư liệu SGK mục 2a tr 57 nêu bối cảnh lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- **Nhiệm vụ 2:** 4 nhóm khai thác bảng 1 tr 57 và lược đồ H.7 tr 58 trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- **Nhiệm vụ 3:** Đọc tư liệu phần 2c tr 59 trình bày ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

* Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc tư liệu, thảo luận nhóm và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

* Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

* Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)

a. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1407, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại, nhiều cuộc đấu tranh tiếp tục nổ ra trong cả nước.
- Nhà Minh thực hiện nhiều chính sách cai trị hà khắc, cùng chế độ thuế khóa nặng nề.

b. Diễn biến chính

Giai đoạn	Diễn biến chính
1418 – 1423	- Năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, Thanh Hóa. - Trước các đợt tấn công của quân Minh, nghĩa quân 3 lần rút lui lên núi Chí Linh, chịu nhiều tổn thất nặng nề. - Giữa 1423, Lê Lợi đề nghị tạm hòa, quân Minh chấp thuận.
1424 – 1426	- Cuối năm 1424, Nghĩa quân giải phóng Nghệ An, sau đó giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân, tiến quân ra Bắc.
1426 – 1427	- Từ cuối 1426: nghĩa quân đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động – Chúc Động. - 10/1427: nghĩa quân giành thắng lợi lớn trong trận Chi Lăng – Xương Giang. - Quân Minh chấp nhận nghị hòa, rút quân về nước.

c. Ý nghĩa lịch sử

- Chấm dứt hơn 20 năm đô hộ của giặc Minh.
- Mở ra thời kì phát triển mới cho dân tộc.

Hoạt động 5. Tìm hiểu mục 3. PHONG TRÀO TÂY SƠN CUỐI TK XVIII

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn.
- Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

b) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Học sinh sẽ đóng vai là hướng dẫn viên của bảo tàng kĩ thuật số “Khu di tích Tây Sơn”: yêu cầu chuẩn bị trong 1 tuần, duyệt BC vào ngày thứ 8, ngày 9,10 sửa và hoàn thiện BC. (GV giao NV cho HS cách 2 tuần trước ngày dạy)

** Học sinh làm trên PowerPoint sử dụng lược đồ, hình ảnh, tư liệu, để trình bày về : bối cảnh lịch sử, diễn biến chính, kết quả, ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.*

*** Các vấn đề trình bày và thảo luận tập trung vào các nội dung:**

- + Nguyên nhân bùng nổ PT Tây Sơn
- + Sự phát triển và thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở đàng trong, cuộc KC chống quân Xiêm.
- + Sự phát triển và thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở đàng ngoài. KC chống quân Thanh.
- + Sự sụp đổ của phong vương triều Tây Sơn
- + Đóng góp của phong trào Tây Sơn với lịch sử dân tộc, từ đó rút ra ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

***Thời gian trình bày: 20 phút**

*** Thời gian thảo luận: 10 phút**

*** Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm**

1. về nội dung (4 điểm) yêu cầu:

- + Đúng vấn đề: nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn, mô tả thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn- lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua lê.....
- + Tóm tắt thông tin có chọn lọc, có minh chứng và phân tích rõ ràng.
- + Mở rộng thông tin, các tư liệu được kiểm chứng có hình ảnh phong phú.

2.Hình thức (2 điểm)

- + Vận dụng linh hoạt các kĩ thuật báo cáo, nhận xét, phản hồi.
- + Hình thức sản phẩm báo cáo độc đáo, sáng tạo, có tính thẩm mỹ

3. Trình bày báo cáo: (3 điểm)

- + Trình bày lưu loát có phối hợp giữa các thành viên, không lệ thuộc vào tài liệu, có điểm nhấn, được thể hiện được sự ăn ý giữa các thành viên có sự tương tác trao đổi với các nhóm
- + Trình bày và thảo luận đúng, đủ thời gian yêu cầu.

4. các nội dung khác: (1 điểm)

- + Tinh thần làm việc của các thành viên trong nhóm: tích cực, hiệu quả, giải quyết các tình huống trả lời câu hỏi tốt.
- + Có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV thiết kế “PHIẾU GHI BÀI” và YC HS ghi kết quả thu hoạch được theo HD của phiếu (HS Lưu lại làm tài liệu học tập).

- HS quan sát phần trình chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV, HS hoàn thiện phiếu ghi bài.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS nhóm 3 lên trình bày và điều hành thảo luận.

HS: - Nhóm 3 Báo cáo và đặt vấn đề thảo luận.

- HS còn lại theo dõi, trả lời, nhận xét

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV sử dụng PHIẾU GHI BÀI để chốt kiến thức cho HS.

3. PHONG TRÀO TÂY SƠN CUỐI TK XVIII

a. Bối cảnh lịch sử (Nguyên nhân bùng nổ PT Tây Sơn)

* chính trị

.....
.....

* Kinh tế.

.....
.....

* xã hội.

.....
.....

b. Diễn biến chính

Giai đoạn	Diễn biến chính
1771-1777	
1777-1785	
1786-1789	
1789-1802	

Đóng góp của PT tây sơn với lịch sử dân tộc:

.....
.....

c. ý nghĩa lịch sử

.....
.....

Hoạt động 4: Tìm hiểu mục 4. Một số bài học lịch sử

a) Mục tiêu: Giúp HS

-HS trình bày được một số bài học LS qua tìm hiểu về khởi nghĩa và CT giải phóng trong LS Việt Nam

- Học sinh nêu được giá trị các bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện:

HS dùng giấy A0 kết hợp bút dạ màu, vẽ “Sơ đồ tư duy” về bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong LS việt Nam

Yêu cầu: TG chuẩn bị 1 tuần, duyệt SP.....

Trình bày: 10 phút.

Thảo luận: 20 phút

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- HS vẽ về “Sơ đồ tư duy” về bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong LS Việt Nam

- HS tổ chức thảo luận về giá trị các bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

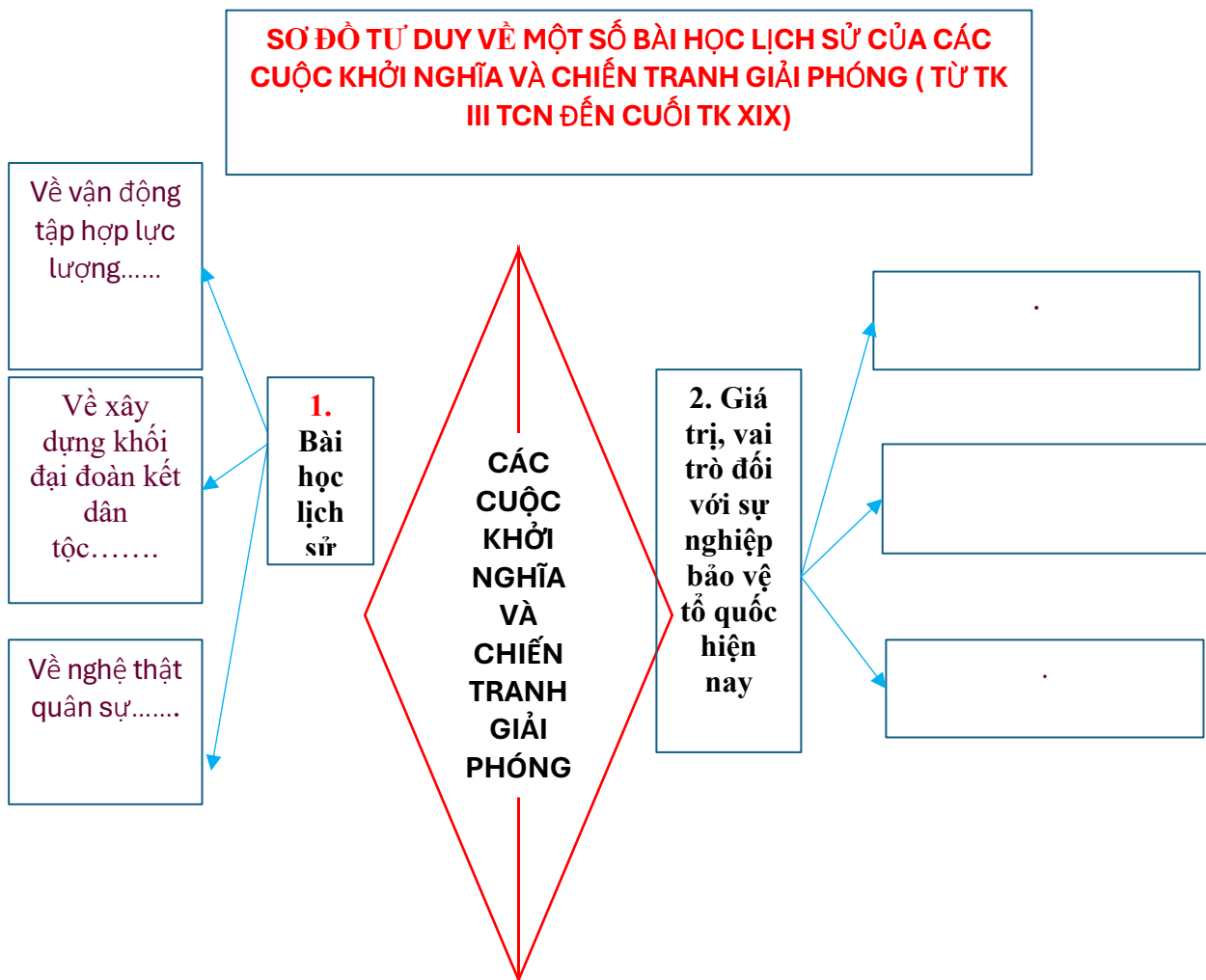
GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích SD tư duy và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trình bày sản phẩm và tổ chức thảo luận.

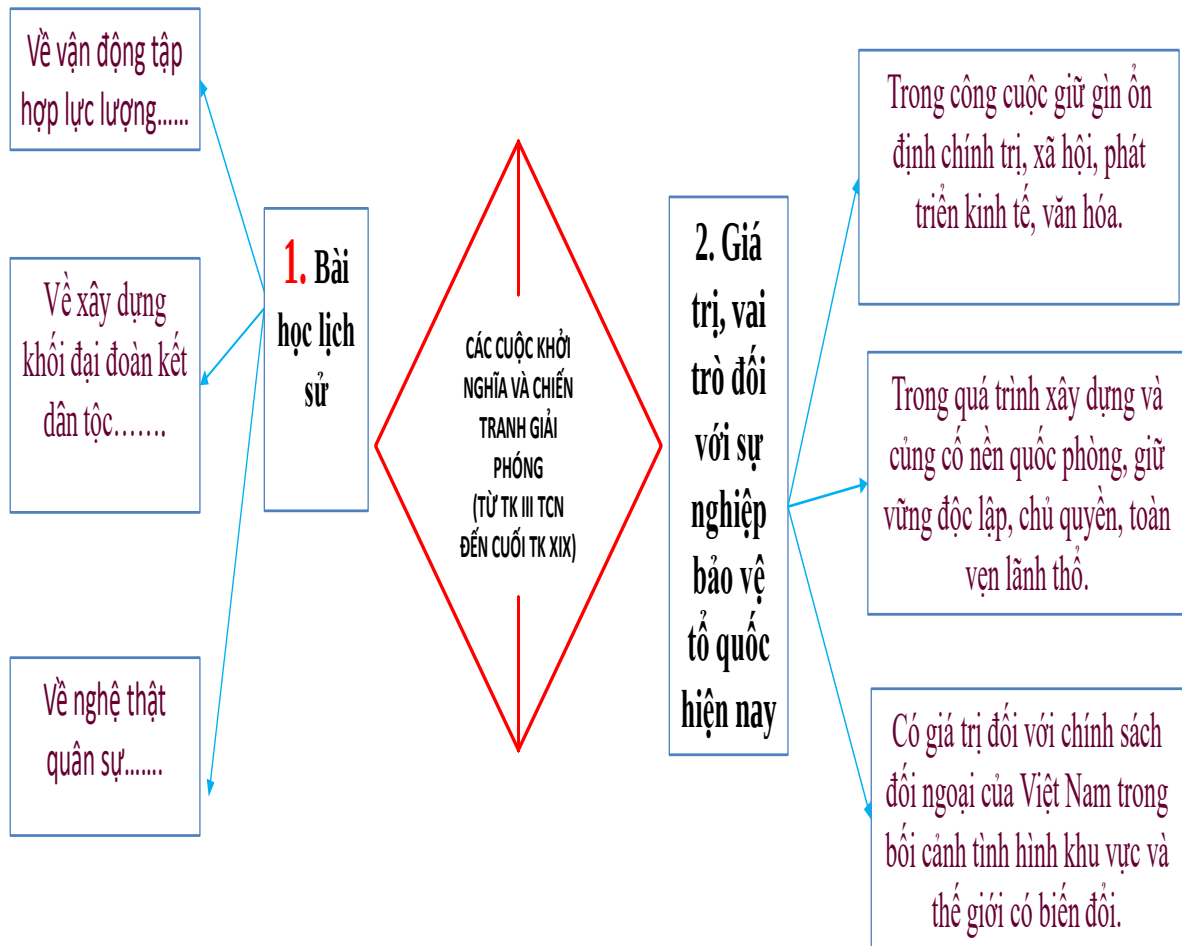
HS: - Báo cáo Sp



- HS còn lại theo dõi, nhận xét, thảo luận, trả lời câu hỏi.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

**SƠ ĐỒ TƯ DUY VỀ MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC
KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG (TỪ TK III TCN ĐẾN
CUỐI TK XIX)**



- GV nhận xét, chốt KT và chấm điểm HĐ nhóm theo tiêu chí đánh giá sản phẩm...

III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (dự kiến thời gian: 15 - 20 p)

a) Mục tiêu: HS củng cố, khái quát được nội dung kiến thức đã học về chủ đề

b) Tổ chức thực hiện

a. Mục tiêu:

- Củng cố, hệ thống hóa những kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về vị trí địa chiến lược của Việt Nam, những nét chính về các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

- Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành các bài tập.

b. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1:**

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: “Ai nhanh nhất” bằng cách trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1: Vì sao trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc?

- A. Vì nếu xâm lược Việt Nam, quân xâm lược sẽ chiếm được nhiều nguồn tài nguyên.
- B. Vì Việt Nam là một trong những quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng.
- C. Vì chiếm được Việt Nam thì sẽ có được nguồn nhân lực dồi dào.
- D. Vì Việt Nam là một nước yếu kém, lạc hậu.

Câu 2: Chiến thắng nào đã kết thúc hoàn toàn hơn 1000 năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc?

- A. Cuộc nổi dậy năm 931 do Khúc Thừa Dụ lãnh đạo.
- B. Trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo.
- C. Trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 981 do Lê Hoàn lãnh đạo.
- D. Trận chiến chống quân Tống xâm lược năm 1077 do Lý Thường Kiệt lãnh đạo.

Câu 3: Nội dung nào không phản ánh đúng nguyên nhân ba lần quân Mông – Nguyên thất bại trong việc xâm lược nước ta?

- A. Nhân dân Đại Việt có tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc cao cả.
- B. Tài thao lược của các vị tướng nhà Trần, đặc biệt là Trần Quốc Tuấn.
- C. Quân giặc yếu, lại chủ quan trong quá trình xâm lược Đại Việt.
- D. Tinh thần đoàn kết chống quân xâm lược của quân dân nhà Trần.

Câu 4: Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, thái độ của triều đình nhà Nguyễn và nhân dân như thế nào?

- A. Triều đình và nhân dân đồng lòng kháng chiến chống Pháp
- B. Triều đình sợ hãi không dám đánh Pháp, nhân dân hoang mang.
- C. Triều đình kiên quyết đánh Pháp, nhân dân hoang mang.
- D. Triều đình do dự không dám đánh Pháp, nhân dân kiên quyết kháng Pháp.

Câu 5. Nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc là:

- A. Chính quyền đô hộ thực hiện chính sách dùng người Việt để trị người Việt.
- B. Chính sách đồng hóa của chính quyền đô hộ gây tâm lí bất bình trong nhân dân.
- C. Chính sách cai trị hà khắc của phong kiến phương Bắc và tinh thần đầu tranh bất khuất không cam chịu của nhân dân ta.
- D. Do chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của các phong trào nông dân ở Trung Quốc.

Câu 6. Qua một số di tích liên quan đến nhân vật lịch sử thời Bắc thuộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Thúc Loan, Lý Bí, Ngô Quyền chứng tỏ điều gì?

- A. Tinh thần đoàn kết, yêu nước của nhân dân ta.
- B. Nhân dân kính trọng và ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc.
- C. Sự phát triển của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.
- D. Vai trò của người phụ nữ trong lịch sử dân tộc.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS khai thác tài liệu, suy nghĩ và tìm câu trả lời cho các câu hỏi trắc nghiệm.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS giơ tay trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV nhận xét câu trả lời của HS và đưa ra đáp án cho các câu hỏi.

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	C	D	C	B

*** Nhiệm vụ 2:**

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ sau: Dựa vào kiến thức đã học về các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử (trước cách mạng tháng tám năm 1945) em hãy viết một bài luận ngắn nhận xét về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân.

Trong quá trình học sinh làm việc, giáo viên chú ý đến các học sinh để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV mời đại diện 1 – 2 học sinh báo cáo sản phẩm, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV phân tích, nhận xét bài báo cáo của từng học sinh và đưa ra gợi ý về sản phẩm cần đạt.

- Các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam diễn ra sôi nổi, quyết liệt và bền bỉ; hàng trăm cuộc kháng chiến, khởi nghĩa lớn nhỏ đã diễn ra, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

=> Điều này cho thấy tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất; đoàn kết đấu tranh của người Việt.

IV. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (dự kiến thời gian: 10-15p)

a) Mục tiêu: Nâng cao, làm sâu sắc kiến thức đã học và liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV sử dụng một trong 2 câu hỏi sau:

Bài 1: Trên cơ sở kiến thức đã học, rút ra những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Những bài học lịch sử đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Bài 2: Theo em, việc sử dụng tên các nhân vật lịch sử trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc (Từ đầu công nguyên đến TK XIX) để đặt tên đường, tên phố, tên trường học.... thể hiện điều gì? Trên đường đi học về em đi qua những đường phố nào có tên các nhân vật lịch sử đó?

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp: sử dụng ứng dụng trên padlet

+ Hoặc HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo sản phẩm lên phòng học trực tuyến của lớp (nếu không có thời gian)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS thực hiện nhiệm vụ trên ứng dụng padlet GV đã tạo sẵn, HS trong cả lớp sử dụng tài khoản cá nhân của mình để trả lời. Khi các câu trả lời của HS hiện ra trên bảng thông báo, cả lớp đều quan sát thấy câu trả lời của các bạn khác.

- GV định hướng, giải đáp thắc mắc và hướng dẫn học sinh.

Bước 3, 4: Báo cáo, tổng kết và đánh giá: HS báo cáo sản phẩm của mình để GV thực hiện nhận xét, tổng kết và đánh giá.

c) Sản phẩm dự kiến: Bài làm của HS

Câu 1: Trên cơ sở kiến thức đã học, rút ra những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Những bài học lịch sử đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Qua những bài học đó con người chúng ta càng thêm yêu quê hương đất nước mình hơn, biết trân trọng những gì đất nước đã có được. Bên cạnh đó, tinh thần đoàn kết vẫn luôn được

áp dụng cho tới thời nay, tinh thần đoàn kết, mọi người cùng giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng thời đại mới cho đất nước...

Câu 2: Theo em, việc sử dụng tên các nhân vật lịch sử trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc và giải phóng dân tộc (Từ đầu công nguyên đến TK XIX) để đặt tên đường, tên phố, tên trường học.... thể hiện điều gì? Trên đường đi học về em đi qua những đường phố nào có tên các nhân vật lịch sử đó?

Viết 1 đoạn văn 300-500 từ thể hiện **khắc ghi công ơn, nhớ mãi những đóng góp của các nhân vật lịch sử** trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước. Tên các nhân vật lịch sử... gắn với

Ngày soạn: 25/2/25

Tiết: 30,31

CHƯƠNG 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN

TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Nêu được bối cảnh dẫn đến sự thành lập nhà Hồ và cuộc cải cách của Hồ Quý Ly.
- Phân tích được nội dung cải cách của Hồ Quý Ly.
- Đánh giá được kết quả, ý nghĩa của cải cách Hồ Quý Ly.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ *Giải quyết vấn đề:* thông qua việc ứng dụng một số phương pháp cơ bản của Sử học vào giải quyết các bài tập cụ thể trong quá trình học tập.

+ *Giao tiếp và hợp tác:* thông qua hoạt động nhóm, trao đổi thảo luận và báo cáo sản phẩm học tập; giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua sơ đồ tư duy.

- Năng lực lịch sử:

+ *Tìm hiểu lịch sử:* Thông qua khai thác các nguồn sử liệu, tư liệu để nêu hoàn cảnh đất nước trước khi nhà Hồ thành lập. Phân tích được nội dung cải cách của HQL. Đánh giá được kết quả, ý nghĩa của cải cách HQL.

+ *Nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua khai thác thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh để nêu được sự hiểu biết về nhân vật Hồ Quý Ly. Rút ra được bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách của HQL.

3. Phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.

- Có trách nhiệm trong học tập và trung thực khi tìm hiểu về lịch sử cần xuất phát từ bối cảnh cụ thể để có thể nhận xét, đánh giá khách quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử 11, Giáo án.
- Giấy A0 để tổ chức hoạt động nhóm.
- Tranh ảnh lịch sử, kiến thức được thể hiện dưới dạng sơ đồ hóa.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT Lịch sử 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được trách nhiệm học tập, hứng thú với bài học mới.
- b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “đuổi hình bắt chữ” cho HS.
- c. Sản phẩm học tập:** HS quan sát hình ảnh đoán từ khóa.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu hình ảnh yêu cầu học sinh đoán các từ khóa mà GV đưa ra (Hồ Quý Ly, Đại Ngu, Cải cách, Thành nhà Hồ, Thông bảo hội sao).
- ? Em biết gì về nhân vật HQL.
- ? Em biết gì về thành nhà Hồ.
- ? Em biết gì về tiền thông bảo hội sao của nhà Hồ?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh GV chiếu để trả lời đúng các từ khóa.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- HS trả lời được các câu hỏi thêm của GV về sự hiểu biết của mình với các từ khóa đó.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài học: *Năm 1396, HQL cho ban hành tiền giấy mang tên “Thông bảo hội sao” đây được coi là tiền giấy đầu tiên trong lịch sử VN. Việc ban hành loại tiền mới này nằm trong các chính sách cải cách của HQL và triều Hồ cuối TK XIV, đầu TK XV. Vậy cuộc cải cách của HQL và triều Hồ diễn ra trong bối cảnh nào? Nội dung, kết quả và ý nghĩa ra*

sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay **Bài 9: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử.

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được hoàn cảnh dẫn đến sự thành lập nhà Hồ và cải cách HQL.

b. Nội dung: GV cho HS hoạt động theo nhóm bàn, yêu cầu HS đọc thông tin, kết hợp quan sát tư liệu trên máy chiếu để nêu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước ta cuối TK XIV – đầu TK XV.

c. Sản phẩm học tập: HS quan sát, thảo luận cử đại diện trình bày.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin trong sách giáo khoa kết hợp các tư liệu trên bảng trả lời câu hỏi ? Đọc tư liệu kết hợp thông tin trong SGK – tr62,63 nêu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước ta cuối TK XIV – đầu TK XV? Tư liệu 1: «Vua buông tuồng ăn chơi vô độ... Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga..., lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời: món gì Dụ Tông cũng mắc! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được?». (Khâm định Việt sử thông giám cương mục) Tư liệu 2: «Tư nghiệp Quốc tử giám là Chu Văn An đã dâng sớ lên vua đòi chém 7 tên nịnh thần, nhưng Dụ Tông không nghe. Ông đã xin «treo mũ» từ quan.» Tư liệu 3: «Vào nửa sau thế kỉ XIV, có 9 lần vỡ đê, lụt lớn. Nhiều năm vừa bị hạn vừa bị lụt, có hơn 10 nạn đói lớn.» Tư liệu 4: Nguyễn Phi Khanh đỗ Thái học sinh thời Trần, đã mô tả tình cảnh dân chúng bấy giờ như sau: Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy	1. Bối cảnh lịch sử

Đồng quê than vẫn trông vào đâu? Lưới chài quan lại còn vơ vét Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi... Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động theo nhóm bàn. - GV quan sát, hướng dẫn HS trong khi làm việc nhóm (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời bất kì nhóm nào đó đứng dậy trình bày các nội dung về chính trị, kinh tế, xã hội. - GV mời các nhóm nhận xét bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận. + Về chính trị: Mặc cho đời sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng, vua, quan, quý tộc nhà Trần vẫn lao vào cuộc sống ăn chơi sa đọa. : <i>«Vua buông tuồng ăn chơi vô độ... Nghiện rượu, mê đàn hát, xa xỉ làm cung điện nguy nga..., lãng phí tiền của, hoang dâm chơi bời: món gì Dụ Tông cũng mắc! Cơ nghiệp nhà Trần sao khỏi suy được?».</i> Quan lại, vương hầu quý tộc nhân đó thả sức ăn chơi xa hoa, bắt quân, dân xây định thự, chùa chiền liên miên. Trong triều nhiều kẻ tham lam, nịnh thần làm rối loạn kỉ cương phép nước, triều chính bị lũng đoạn: <i>«Tư nghiệp Quốc tử giám là Chu Văn An đã dâng sớ lên vua đòi chém 7 tên nịnh thần, nhưng Dụ Tông không nghe. Ông đã xin «treo mũ» từ quan.»</i> Nhà Trần càng suy sụp hơn từ sau khi Trần Dụ Tông chết (1369) và Dương Nhật Lễ lên nắm quyền (1369-1370): “Trần Dụ Tông không có con trai, Nhật Lễ là con nuôi của một đại vương nhà Trần được Hoàng thái hậu đưa lên ngôi. Nhật Lễ vốn là con một kép hát họ Dương, nên khi làm vua đã rắp tâm xóa bỏ họ Trần thay bằng họ	Về chính trị: - Khủng hoảng, suy yếu. - Vua quan ăn chơi sa đọa, không quan tâm việc nước. Triều chính bị gian thần lũng đoạn.
---	---

Dương, bằng cách tìm giết các quý tộc lớp trên của nhà Trần. Một số quý tộc mưu giết Nhật Lễ không thành nên 18 quan lại quý tộc, kể cả tướng quốc nhà Trần đã bị Nhật Lễ sát hại. Hằng ngày, Nhật Lễ chỉ vui chơi, hoang dâm và rượu chè.”

Nhà Trần còn bất lực trong việc đối phó với các cuộc tấn công của Cham – pa và yêu sách ngang ngược của nhà Minh, đời sống nhân dân càng cực khổ.

+ Về kinh tế - xã hội:

Từ nửa sau TK XIV, nhà nước không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, không chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi... nên nhiều năm mất mùa, đói kém. Nhiều nông dân phải bán ruộng đất, vợ, con cho các quý tộc, địa chủ giàu có và biến thành nô tì, bị bóc lột nặng nề: *«Vào nửa sau thế kỉ XIV, có 9 lần vỡ đê, lụt lớn. Nhiều năm vừa bị hạn vừa bị lụt, có hơn 10 nạn đói lớn.» Nguyễn Phi Khanh đồ Thái học sinh thời Trần, đã mô tả tình cảnh dân chúng bấy giờ như sau:*

Ruộng lúa ngàn dặm đỏ như cháy

Đồng quê than vẫn trông vào đâu?

Lưới chài quan lại còn vơ vét

Máu thịt nhân dân cạn nửa rồi...

Vương hầu quý tộc, nhà chùa, địa chủ nắm trong tay rất nhiều ruộng đất. Ruộng đất công ở các làng xã bị xâm lấn, khẩu phần ruộng đất của nông dân bị thu hẹp, đời sống ngày càng bấp bênh, cực khổ. Thế nhưng triều đình vẫn bắt dân nghèo mỗi năm phải nộp ba quan tiền thuế đinh.

Bị áp bức bóc lột tàn tệ, nông dân, nô tì mâu thuẫn ngày càng sâu sắc với giai cấp thống trị. Bởi vậy họ đã vùng dậy đấu tranh mạnh mẽ. Từ giữa TK XIV, nông dân, nô tì đã nổi dậy khởi nghĩa.

- Chiếm thành liên tục đưa quân tấn công. Nhà Minh bắt cống nộp thầy thuốc, giống cây, lương thực, voi, ngựa.

Về kinh tế - xã hội:

- Hạn hán, bão, lụt, vỡ đê... Xảy ra ở nhiều địa phương trên cả nước.

- Mất mùa đói kém thường xuyên.

- Quý tộc, quan lại, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất trên quy mô lớn.

+ ***Cuộc khởi nghĩa của Ngô Bệ ở Hải Dương:*** Đầu năm 1344, Ngô Bệ hô hào nông dân ở Yên Phụ (Hải Dương) đứng lên khởi nghĩa. Bị quân đội triều đình đàn áp, khởi nghĩa thất bại. Đến năm 1358, Ngô Bệ lại nổi dậy ở Hải Dương, đến đầu năm 1360 thì bị giết.

+ Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thanh, Nguyễn Kỵ ở Thanh Hóa: Năm 1379, Nguyễn Thanh tụ tập nông dân khởi nghĩa, tự xưng là Linh đức vương, hoạt động ở vùng sông Chu (Thanh Hóa). Nguyễn Kỵ cũng xưng vương, hoạt động ở Nông Cống. Cùng năm 1379, Nguyễn Bỏ nổi dậy ở Bắc Giang.

+ Cuộc khởi nghĩa của Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai – Hà Nội: Đầu năm 1390, nhà sư Phạm Sư Ôn hô hào nông dân nổi dậy ở Quốc Oai. Nghĩa quân hoạt động ở vùng Sơn Tây, lực lượng hùng hậu, đã kéo quân về đánh chiếm kinh thành Thăng Long trong ba ngày. Vua Trần phải bỏ thành chạy lên Bắc Giang. Sau đó cuộc khởi nghĩa bị triều đình đàn áp.

+ Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Nhữ Cái ở Sơn Tây:
 Năm 1399, Nguyễn Nhữ Cái nổi dậy khởi nghĩa, hoạt động ở vùng Sơn Tây, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang. Đến năm 1400, cuộc khởi nghĩa bị đàn áp.

Vào cuối TK XIV, các cuộc đấu tranh của nông dân đã làm cho nhà Trần suy yếu, làng xã tiêu điều, dân đình giảm sút. Nhà Trần không còn đủ sức giữ vai trò của mình, nên sự sụp đổ là khó tránh khỏi. Giữa lúc đó, xuất hiện một nhân vật mới là Hồ Quý Ly. *Hồ Quý Ly là cháu bốn đời của Hồ Liêm (Hồ Liêm từ quê Nghệ An ra Thanh Hóa, được một viên quan đại thần họ Lê nhận làm con nuôi). Ông là người có tài năng, lại có hai người cô là phi tần của vua Trần Minh Tông và sinh hạ được ba vị vua cho nhà Trần, nhờ đó ông rất được vua Trần trọng dụng. Hồ Quý Ly đã nắm giữ được chức vụ cao nhất*

→ Khởi nghĩa của nông dân, nô tì ở nhiều vùng miền.

- Năm 1400: HQL lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu → **Nhà Hồ thành lập.**

trong triều đình. Sau vụ một số quý tộc nhà Trần mưu giết Hồ Quý Ly không thành (1399), năm 1400, ông phế truất vua Trần và lên làm vua, đổi quốc hiệu là Đại Ngu – nhà Hồ được thành lập.	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu về nội dung cải cách của Hồ Quý Ly

- a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS phân tích được nội dung cải cách của Hồ Quý Ly.
- b. Nội dung:** GV cho HS hoạt động theo nhóm, tìm hiểu về nội dung cải cách của HQL.
- c. Sản phẩm học tập:** HS thảo luận theo nhóm, trình bày vào tờ A2 dưới hình thức vẽ sơ đồ tư duy. (15p)

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận (15 phút)

Vẽ sơ đồ tư duy, trình bày vào tờ A2.

Nhóm 1: Tìm hiểu về tổ chức chính quyền, luật pháp.

Nhóm 2: Tìm hiểu về quân đội, quốc phòng.

Nhóm 3: Tìm hiểu về kinh tế, xã hội.

Nhóm 4: Tìm hiểu về văn hóa.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động theo nhóm.
- GV quan sát, hướng dẫn HS trong khi làm việc nhóm (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- Lần lượt các nhóm trình bày nội dung mình đã tìm hiểu.
- Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Về chính trị: HQL cải tổ hàng ngũ võ quan, thay thế dần các võ quan cao cấp do quý tộc tôn thất nhà Trần nắm giữ bằng những người không phải họ Trần nhưng có tài năng và thân cận với mình. HQL cho đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cụ thể, rõ ràng cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.

Năm 1397, Hồ Quý Ly đổi trấn Thanh Hóa làm trấn Thanh Đô, trấn Quốc Oai làm trấn Quảng Oai, Lạng Sơn phủ làm Lạng Sơn trấn... và quy định “Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu

coi huyện. Phàm những việc hộ tịch, tiền thóc, kiện tụng đều gộp làm một sổ của lộ, đến cuối năm báo lên sảnh để kiểm xét. Cho dời kinh đô vào An Tôn (thành Tây Đô – thành nhà Hồ, Thanh Hóa)”.
(Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

HQL sửa đổi chế độ thi cử, học tập: Năm 1397, Hồ Quý Ly đề nghị đặt chức học quan ở các lộ và cấp ruộng công cho các địa phương để sử dụng vào việc học.

Về quân sự: Để đề phòng giặc ngoại xâm, HQL đã thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân sự và quốc phòng.

Hồ Quý Ly cho làm lại sổ đình để tang quân số, tích cực sản xuất vũ khí, chế tạo ra một loại súng mới là súng thần cơ và làm ra một loại thuyền chiến mới gọi là lầu thuyền. Những nơi hiểm yếu đều có bố trí phòng thủ. Cho xây dựng một số thành kiên cố như thành Tây Đô ở Vĩnh Lộc - Thanh Hóa (còn gọi là thành nhà Hồ), thành Đa Bang (Ba Vì – Hà Nội)...

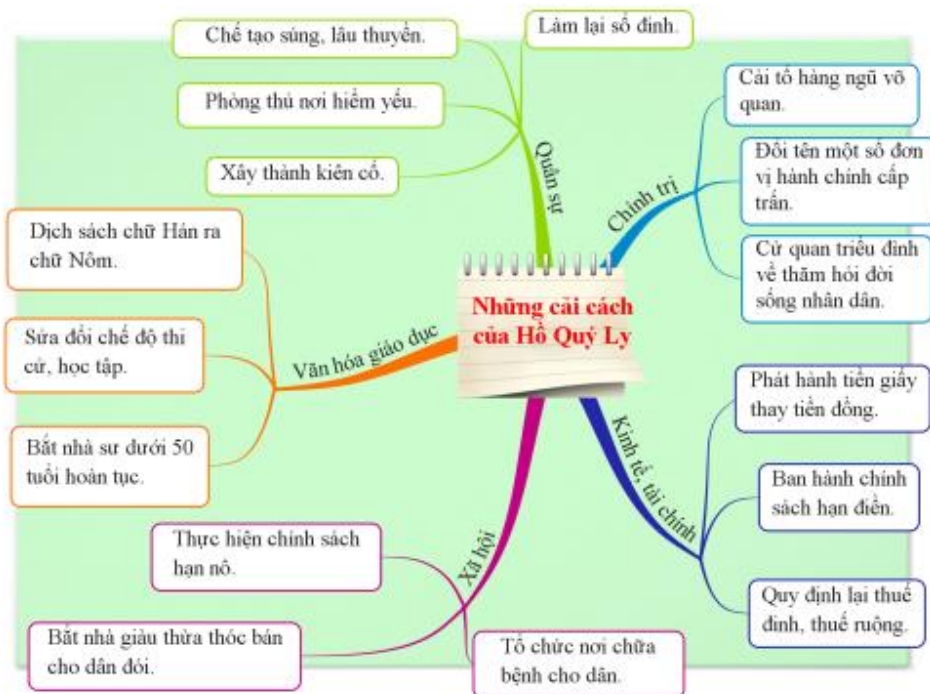
Về kinh tế xã hội: HQL cho phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng, ban hành chính sách hạn điền, quy định lại biểu thuế đình, thuế ruộng.

Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy, gọi là «thông bảo hội sao» gồm 7 loại: 10 đồng, 30 đồng, 1 tiền, 2 tiền, 3 tiền, 5 tiền, 1 quan; cấm dùng tiền bằng đồng (ai có tiền bằng đồng phải đem đổi cho nhà nước lấy tiền giấy). Năm 1397, ban hành chính sách «hạn điền», quy định Đại vương và Trượng công chúa không bị hạn chế số ruộng đất tư, số còn lại không được sở hữu quá 10 mẫu, số ruộng thừa phải sung công. Năm 1402, nhà Hồ định lại biểu thuế, chỉ đánh vào người có ruộng; người không có ruộng, trẻ con mồ côi, đàn bà góa không phải nộp. Thuế ruộng đánh theo phép lũy tiến, có nhiều ruộng đóng nhiều, không có ruộng không phải đóng.

HQL ban hành chính sách hạn chế nô tì được nuôi của các vương hầu, quý tộc, quan lại. Năm 1401, nhà Hồ quy định chiếu theo phẩm cấp, các quan lại quý tộc chỉ được nuôi một số gia nô nhất định. Số thừa ra sung công. Mỗi gia nô thừa ra được nhà nước đền bù 5 quan tiền.

Những năm có nạn đói, nhà Hồ lệnh cho các quan địa phương đi khám xét, bắt nhà giàu thừa thóc phải bán cho dân đói và tổ chức nơi chữa bệnh cho dân.

Về văn hóa: HQL bắt các nhà sư chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục, cho dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để dạy cho vua Trần và phi tần, cung nữ.



Hoạt động 3: Tìm hiểu về kết quả, ý nghĩa của cải cách HQL

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS đánh giá được kết quả, ý nghĩa cải cách của Hồ Quý Ly.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS rút ra được kết quả, tác dụng và hạn chế của cải cách. Ý nghĩa của cải cách HQL.

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ trả lời.

d. Tổ chức hoạt động:

Hoạt động của GV - HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: <i>?Nêu kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời bất kì HS nào đó đứng dậy nêu kết quả, ý nghĩa của cải cách HQL. - GV mời HS khác nhận xét bổ sung.	3. kết quả, ý nghĩa Kết quả: - Sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. - Quân đội quốc phòng được củng cố. - Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường. - Giải quyết được những bất cập về sở hữu tài sản và chế độ thuế khóa. - Nho giáo dần trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Đại Việt. Giáo dục khoa cử có bước phát triển.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chuẩn kiến thức và kết luận.	Ý nghĩa: - Thể hiện tinh thần dân tộc, ý thức tự cường của Hồ Quý Ly và triều Hồ cũng như tầng lớp lãnh đạo Đại Việt đương thời. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.
---	--

Hoạt động 4: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Khái quát, hệ thống hóa, củng cố được kiến thức đã học về cải cách của Hồ Quý Ly.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi thông qua chọn đáp án ABCD.

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ trả lời.

d. Tổ chức hoạt động:

GV chiếu các câu hỏi lên bảng HS quan sát trả lời

Câu hỏi 1



D



Nhà Hồ thành lập trong hoàn cảnh nào?

A. Nhà Minh xâm lược nước ta.

B. Champa đem quân tấn công.

C. Nông dân và nô tì nổi dậy.

D. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu trầm trọng.

Câu hỏi 2



C



Tên gọi của nước ta dưới thời Hồ là gì?

A. Đại Việt.

B. Đại Nam.

C. Đại Ngu.

D. Đại Cồ Việt.

Câu hỏi 3



D



Di tích thành nhà hồ được xây dựng ở đâu ?

A. Cao Bằng.

B. Lạng Sơn.

C. Bắc giang.

D. Thanh Hóa.

Câu hỏi 4



B



Nhà Hồ được thành lập năm bao nhiêu?

A. Năm 1399

B. Năm 1400

C. Năm 1406

D. Năm 1407

Câu hỏi 5



B



Cải cách của Hồ Quý Ly có tác dụng như thế nào?

A. Không có tác dụng, đất nước vẫn khủng hoảng.

B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. Đưa đất nước phát triển mạnh mẽ.

D. Không có tác dụng, tình trạng khủng hoảng ngày càng trầm trọng.

Hoạt động 5: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS thể hiện được tính độc lập trong suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để rút ra được bài học từ cuộc cải cách của HQL.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi. *Theo em những bài học nào có thể rút ra từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?*

c. Sản phẩm học tập: HS suy nghĩ trả lời.

d. Tổ chức hoạt động:

GV chiếu câu hỏi lên bảng HS quan sát suy nghĩ trả lời.

Theo em những bài học nào có thể rút ra từ cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ?

D. nền kinh tế lạc hậu.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng những khó khăn của nhà Nam Hán khi tiến quân xâm lược Việt Nam (938)?

A. Kiều Công Tiễn đã bị giết, quân Nam Hán mất đi lực lượng nội ứng.

B. Chủ tướng Hoàng Tháo tuổi nhỏ, chưa dày dạn kinh nghiệm chiến đấu.

C. Chiến thuyền nhỏ; lực lượng quân Nam Hán ít, khí thế chiến đấu kém cỏi.

D. Quân lính đi đường xa, mệt mỏi lại không quen với khí hậu, thủy thổ Việt Nam.

Câu 9. Ngô Quyền đã lựa chọn địa điểm nào làm trận địa chống quân Nam Hán xâm lược năm 938?

A. Cửa sông Tô Lịch.

B. Cửa sông Bạch Đằng.

C. Tốt Động-Chúc Động.

D. Gạch Râm-Xoài Mút.

Câu 10. Kế sách đánh giặc của nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược là gì?

A. Phát huy sức mạnh toàn dân, kết hợp chiến tranh nhân dân và ngoại giao.

B. Tăng cường phòng thủ, xây dựng lũy đắp và chuẩn bị chiến tranh lâu dài.

C. Kết hợp chiến đấu và đàm phán, sử dụng hòa hoãn khi cần thiết.

D. Tập trung vào chiến tranh du kích, hạn chế đối đầu trực tiếp với quân thù.

Câu 11. Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê kết thúc thắng lợi là bởi

A. quân dân Đại Cồ Việt đã chiến đấu anh dũng.

B. Lê Hoàn đề nghị giảng hòa để giảm

bớt hao tổn.

C. nhà Tống bị hao binh lực nên chủ động rút quân. D. nhà Tống thấy xâm lược Đại Việt là phi nghĩa.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê?

A. Buộc nhà Tống thần phục và thực hiện triều cống đối với Đại Cồ Việt.

B. Thể hiện ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân Đại Cồ Việt.

C. Quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi, củng cố vững chắc nền độc lập.

D. Thể hiện khả năng bảo vệ độc lập của quân dân Đại Cồ Việt.

Câu 13. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1858 - 1884) có đặc điểm gì?

A. Diễn ra chủ yếu ở miền Bắc, có sự tham gia của các tướng lĩnh phong kiến và nhân dân.

B. Lực lượng kháng chiến chủ yếu là công nhân, tập trung vào các cuộc nổi dậy vũ trang.

C. Kháng chiến kéo dài với nhiều cuộc nổi dậy và trận đánh gây khó khăn cho quân Pháp.

D. Kháng chiến diễn ra chủ yếu ở miền Trung và miền Nam, phối hợp quân sự và chính trị.

Câu 14. Nguyên nhân khách quan nào dẫn đến thắng lợi của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

A. Các cuộc bảo vệ độc lập dân tộc của Việt Nam là chính nghĩa.

B. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí bất khuất của người Việt.

C. Quân giặc gặp khó khăn trong quá trình xâm lược nước ta.

D. Sự lãnh đạo của các tướng lĩnh mưu lược, tài giỏi, đúng đắn.

Câu 15. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay, chúng ta có thể vận dụng bài học kinh nghiệm nào từ thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên dưới thời Trần?

A. Tiến công giặc một cách thần tốc, bất ngờ. B. Tập trung vào việc xây dựng thành lũy kiên cố.

C. Bồi dưỡng sức dân, củng cố khối đoàn kết dân tộc. D. Chủ động tấn công chặn trước thế mạnh của giặc.

Câu 16. Đây là bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự thất bại của một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

A. Muốn kháng chiến thành công cần đoàn kết được lòng dân.

B. Vũ khí hiện đại là nhân tố quyết định thành bại kháng chiến.

C. Cần có chính sách đối ngoại mềm mỏng, tránh gây xung đột.

D. Xây dựng lực lượng quân đội chính quy đông đảo, tinh nhuệ.

Câu 17. Năm 179 trước công nguyên, Triệu Đà đem quân tấn công Âu Lạc. Cuộc kháng chiến của nhân dân Âu Lạc đã

A. thắng lợi, bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc.

B. thất bại, Âu Lạc rơi vào ách thống trị của Nam Việt.

C. thắng lợi, đập tan dã tâm xâm lược của quân Nam Việt.

D. thất bại, Âu Lạc tuy độc lập nhưng lệ thuộc vào Nam Việt.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng vị trí địa lí chiến lược của Việt Nam?

A. Là cầu nối giữa Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á.

B. Nằm trên các trục đường giao thông quốc tế huyết mạch.

C. Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.

D. Kiểm soát tuyến đường thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á.

Câu 19. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa lịch sử của 3 lần kháng chiến chống Mông - Nguyên (thế kỉ XIII)?

A. Giữ vững được nền độc lập chủ quyền của đất nước.

B. Đập tan tham vọng xâm lược của quân Mông - Nguyên.

C. Buộc nhà Nguyên phải kiêng nể, thần phục đối với Đại Việt.

D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các cuộc đấu tranh.

Câu 20. Nội dung nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

A. Góp phần hình thành những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

B. Để lại nhiều kinh nghiệm cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

C. Góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

D. Quyết định con đường phát triển đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Câu 21. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam có vai trò quan trọng

A. trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào dân tộc.

B. trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước.

C. đối với sự sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc.

D. khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

Câu 22. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống ở thế kỉ XI là

A. Ngô Quyền.

B. Trần Hưng Đạo.

C. Lê Lợi.

D. Lý Thường Kiệt.

Câu 23. Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán năm 938 diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng.

B. sông Như Nguyệt.

C. bên Đông Bộ Đầu.

D. cửa ải Hàm Tử.

Câu 24. Các cuộc khởi nghĩa trong thời kì Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Đất nước có độc lập, chủ quyền.

B. Đất nước mất độc lập, tự chủ.

C. Trung Quốc bị Mông Cổ đô hộ.

D. Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 25. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây mở đầu thời kì đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam?

A. Hai Bà Trưng.

B. Bà Triệu.

C. Lý Bí.

D. Phùng Hưng.

Câu 26. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của nhà Minh, mở ra thời kì mới cho lịch sử dân tộc ?

A. Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ.

B. Khởi nghĩa Lam Sơn.

C. Khởi nghĩa Tây Sơn.

D. Khởi nghĩa Lý Bí.

Câu 27. Năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn giành được thắng lợi nào sau đây?

A. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

B. Đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

C. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

D. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

Câu 28. Tháng 10 - 1427, nghĩa quân Lam Sơn đã giành được thắng lợi nào sau đây?

A. Giải phóng vùng đất Nghệ An. **B. Chi Lăng – Xương Giang.**

C. Chiếm thành Đông Quan.

D. Tốt Động – Chúc Động.

Câu 29. Sự kiện nào sau đây đã kết thúc hoàn toàn hơn 1000 đô hộ của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

A. Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, giành quyền tự chủ.

B. Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương thắng lợi, lập ra nhà nước Vạn Xuân.

C. Trận chiến trên sông Bạch Đằng (938) do Ngô Quyền lãnh đạo thắng lợi.

D. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi hoàn toàn.

Câu 30. Tư tưởng được vận dụng xuyên suốt trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) nhằm giành độc lập dân tộc là

A. trung quân ái quốc.

B. tự do, dân chủ.

C. bình đẳng, tự quyết.

D. nhân nghĩa.

Câu 31. Nghệ thuật quân sự nào sau đây trong kháng chiến chống Tống thời Lý tiếp tục được kế thừa và phát huy trong khởi nghĩa Lam Sơn?

A. Tiên phát chế nhân.

B. Dĩ đoản chế trường.

C. Đánh nhanh, thắng nhanh.

D. Chủ động kết thúc chiến tranh.

Câu 32. Các cuộc khởi nghĩa trong thời kỳ Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào?

A. Đất nước có độc lập, chủ quyền.

B. Đất nước mất độc lập, tự chủ.

C. Đất nước thống nhất, chủ quyền.

D. Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

Câu 33. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam nhằm lật đổ ách đô hộ của nhà Minh?

A. Khởi nghĩa Bà Triệu.

B. Khởi nghĩa Tây Sơn.

C. Khởi nghĩa Lam Sơn.

D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 34. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc có một trong những đặc điểm nào sau đây?

A. Diễn ra sôi nổi, liên tục và mạnh mẽ.

B. Diễn ra trên phạm vi từ Bắc đến Nam.

C. Đã lập được nhà nước độc lập tự chủ.

D. Các cuộc khởi nghĩa đều thắng lợi.

Câu 35. Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở vùng?

A. núi Chí Linh (Hải Dương).
Định).

B. Tây Sơn hạ đạo (Tây Sơn, Bình

C. núi Tam Điệp (Ninh Bình).
Lai).

D. Tây Sơn thượng đạo (An Khê, Gia

Câu 36. Cuộc khởi nghĩa đầu tiên chống lại sự cai trị của các triều đại Trung Quốc trong thời kỳ Bắc thuộc là

A. chiến tranh Âu Lạc - Triệu Đà.

B. cuộc chiến chống lại quân Tần.

C. cuộc chiến đấu chống giặc Ân.

D. khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.

Câu 37. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (1771-1802) nổ ra trong hoàn cảnh như thế nào?

A. Đất nước bị quân Minh đô hộ.

B. Đất nước ổn định và phát triển.

C. Đất nước đã rơi vào khủng hoảng.

D. Triều đình thực hiện cải cách.

Câu 38. Sau khi chiếm được Đại Ngu (1407), nhà Minh đã thực hiện chính sách cai trị

A. chung sống hòa bình.

B. tàn bạo và hà khắc.

C. vỗ về để yên dân.

D. mềm dẻo, kiên quyết.

Câu 39. Một trong những vai trò quan trọng của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc thế kỉ XVIII là gì?

A. Lật đổ các tập đoàn phong kiến, bước đầu thống nhất đất nước

B. Đánh bại quân Xiêm và quân Thanh, bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc

C. Trọng dụng chữ Nôm, phát triển thành chữ viết chính thức của dân tộc.

D. Tiến hành nhiều cải cách tiến bộ, mở ra bước phát triển mới cho dân tộc.

Câu 40. Chiến thuật "vườn không nhà trống" trong cuộc khởi nghĩa của Trần Hưng Đạo chủ yếu nhằm mục đích

A. Đánh bại quân Mông - Nguyên trong trận chiến quyết định

B. Cướp đi lương thực của quân xâm lược

C. Ngăn chặn sự xâm lược của quân đội phương Bắc

D. Làm suy yếu tinh thần quân địch, buộc chúng phải rút lui

Câu 41. Sự nghiệp thống nhất đất nước của nghĩa quân Tây Sơn bước đầu được hoàn thành khi quân Tây Sơn

A. Đánh đổ chính quyền Lê-Trịnh.

B. Đánh bại quân xâm lược Thanh.

C. Đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn.

D. Đánh bại quân xâm lược Xiêm.

Câu 42. Vào mùa hè năm 1423, Lê Lợi đã đề nghị tạm hoà với quân Minh vì

A. thiếu tướng tài, tinh thần chiến đấu của quân sĩ sa sút.

B. nghĩa quân ánh mãi không thắng nên chấp nhận cầu hoà.

C. quân sĩ khiếp sợ trước sức mạnh của giặc, tinh thần sa sút.

D. muốn tranh thủ thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng.

Câu 43. Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn giành được thắng lợi nào sau đây?

A. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

B. Đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

C. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

D. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

Câu 44. Mâu thuẫn bao trùm xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc là

A. giữa toàn thể nhân dân và chính quyền đô hộ.

B. giữa quý tộc người Việt và chính quyền đô hộ.

- C. giữa nhân dân và những quý tộc người Việt.
- D. giữa toàn thể nông dân và chính quyền đô hộ.

Câu 45. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã có ý nghĩa gì?

- A. Buộc nhà Minh phải thần phục, cống nạp sản vật cho Đại Việt.
- B. Kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục độc lập dân tộc.**
- C. Đưa nước Đại Việt trở thành cường quốc hùng mạnh nhất châu Á.
- D. Mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ cho dân tộc Việt Nam.

Câu 46 Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của phong trào Tây Sơn?

- A. Sự đoàn kết, ủng hộ của nhân dân.
- B. Tinh thần yêu nước của nhân dân.
- C. Tài thao lược của bộ chỉ huy nghĩa quân.
- D. Sự giúp đỡ của chính quyền Đảng Trong.**

Câu 47. Ý nghĩa quan trọng nhất của khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ (đầu thế kỷ X) đối với dân tộc Việt Nam là gì?

- A. Giành lại nền độc lập lâu dài, bền vững.
- B. Chấm dứt thời kỳ phong kiến Bắc thuộc.
- C. Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.
- D. Đã căn bản khôi phục chủ quyền dân tộc.**

Câu 48. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến bùng nổ các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc là do

- A. nhân dân Việt Nam đã thiết lập được chính quyền vững mạnh.
- B. chính quyền đô hộ của phương Bắc khủng hoảng, tổ chức lỏng lẻo.
- C. ách cai trị, bóc lột nặng nề của chính quyền đô hộ phương Bắc.**
- D. do mâu thuẫn của các thủ lĩnh người Việt với chính quyền đô hộ.

Câu 49. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng bài học lịch sử rút ra từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- A. Luôn nhân nhượng kẻ thù xâm lược để giữ môi trường hòa bình.**
- B. Chú trọng việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.
- C. Tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện “toàn dân đánh giặc”.
- D. Phát động khẩu hiệu đấu tranh phù hợp để tập hợp lực lượng.

Câu 50. Trong cuộc chiến đấu với quân Xiêm (1785), cách đánh của quân Tây Sơn có điểm gì độc đáo?

- A. Tấn công trước để chặn thế mạnh của địch.
- B. Thực hiện kế sách “vườn không nhà trống”.
- C. Triệt để thực hiện kế sách “công tâm”.
- D. Nghi binh, lừa địch vào trận địa mai phục.**

Câu 51. Từ thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

- A. Duy trì khối đại đoàn kết toàn dân tộc.**
- B. Kiên trì sự lãnh đạo duy nhất của vua.
- C. Thực hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.
- D. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân thế giới

Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (Học sinh trả lời câu 1 đến câu 10. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu chỉ chọn đúng hoặc sai)

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (...). Phong trào đã lật đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai

thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1961, tr.37)

- a) Khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. **S**
- b) Vai trò của phong trào Tây Sơn là đánh tan quân xâm lược Xiêm, Thanh, giành lại độc lập cho dân tộc. **S**
- c) Nghĩa quân Tây Sơn đã hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp do lịch sử đặt ra. **Đ**
- d) Phong trào Tây Sơn đã đập tan hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn, đặt nền móng cho sự nghiệp thống nhất đất nước. **Đ**

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây :

“Xã hội Đại Việt cuối thế kỉ XIV đang lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc: chính quyền suy yếu, bọn nịnh thần chuyên quyền, dòng họ thống trị phân tán sa đọa, kinh tế nông nghiệp sa sút nghiêm trọng, đã dẫn đến chỗ nông dân nghèo, gia nô, nô tì nổi dậy chống đối hay chạy trốn. Trong lúc đó, những cuộc tấn công đánh phá của Chăm-pa lại liên tục diễn ra - dù cuối cùng bị đẩy lùi hẳn -, đã làm cho đời sống của nhân dân thêm khổ cực. Đã thế, Đại Việt lại đứng trước nguy cơ một cuộc ngoại xâm ngày càng đến gần. Bên trong khủng hoảng, ngoài giặc đe dọa, đó là những tiền đề dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly”.

(Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1* - NXB Giáo Dục, Hà Nội, 1997, tr 251)

- a) Xã hội Đại Việt lâm vào khủng hoảng sâu sắc là tiền đề dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly. **Đ**
- b) Mục đích chính của cuộc cải cách do Hồ Quý Ly tiến hành là cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tiềm lực quốc phòng. **S**
- c) Cuộc xâm lược của nhà Minh là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của công cuộc cải cách của nhà Hồ. **Đ**
- d) Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly đã để lại bài học sâu sắc về tầm quan trọng sự ủng hộ của nhân dân và vì nhân dân. **Đ**

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nông dân khởi nghĩa duy nhất trong thời phong kiến Việt Nam đã đánh bại kẻ thù trong và ngoài nước (...). Phong trào đã lật đổ nền thống trị của các tập đoàn phong kiến phản động, kết thúc tình trạng phân chia đất nước kéo dài trên hai thế kỉ, đánh tan quân xâm lược Xiêm và Thanh, đặt cơ sở cho công cuộc khôi phục quốc gia thống nhất sau này”.

(Phan Huy Lê, *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, -1961, tr.37)

- a) Đoạn tư liệu trên phản ánh đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc trong thế kỉ XVIII. **Đ**
- b) Một trong những công lao to lớn của phong trào Tây Sơn là lật đổ các tập đoàn phong kiến, thống nhất đất nước. **S**
- c) Phong trào Tây Sơn là cuộc khởi nghĩa nông dân duy nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam đi tới thắng lợi cuối cùng. **Đ**
- d) Phong trào Tây Sơn để lại bài học về nghệ thuật quân sự: tiến công chủ động, cơ động, thần tốc, chớp thời cơ... **Đ**

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau

“Đàn bà phải tội tử hình trở xuống nếu đang có thai, thì phải đẻ sinh đẻ sau 100 ngày mới hành hình. Nếu đã đủ 100 ngày mà không đem hành hình, thì ngục quan hay ngục lại bị tội biếm hay tội phạt...” (Điều 680)

(Quốc triều hình luật, (Viện sử học dịch), NXB Chính trị quốc gia, Sự thật, 2017)

- a) Đây là bộ luật mang đậm tính dân tộc và tính nhân văn. **Đ**
- b) Nội dung quan trọng nhất và bao trùm bộ Quốc triều hình luật là bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ. **S**
- c) Trong bộ Quốc triều hình luật có sự phân biệt hình phạt với người phạm tội là phụ nữ nếu đang mang thai. **Đ**
- d) Bộ Quốc triều hình luật là bộ luật được ban hành dưới triều Nguyễn. **S**

Câu 5.

“Hoàng Tháo là một đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mệt mỏi, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức khỏe địch với quân mệt mỏi, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế thua được không biết sẽ ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu, bịt sắt, đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không có chiếc nào ra thoát”.

- a) Hoàng Tháo là người chỉ huy quân Nam Hán đánh chiếm nước ta năm 938. **Đ**
- b) Ngô Quyền đã cho quân dân ta sử dụng kế sách “ đóng cọc gỗ” dưới sông Bạch Đằng nhằm tiêu diệt quân Nam Hán. **Đ**
- c) Quân Nam Hán thua to, vì quân của chúng yếu hơn ta rất nhiều. Đi từ xa đến mệt mỏi, quân ta đánh tất yếu sẽ giành chiến thắng. **S**
- d) Trong trận đánh trên sông Bạch Đằng, ta giành thắng lợi nhờ lợi thế sông núi, chiến thuyền của ta mạnh hơn quân Hán rất nhiều. **S**

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam đều mang tính chính nghĩa, nhằm mục đích bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ, chống lại hành động xâm lược và ý đồ nô dịch của thế lực ngoại bang. Tính chính nghĩa là cơ sở để tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân, đưa đến thắng lợi trước những kẻ thù hùng mạnh hơn từ bên ngoài. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm còn gắn liền với tinh thần đoàn kết dân tộc, từ đoàn kết trong nội bộ vương triều, giữa tướng lĩnh và binh sĩ đến đoàn kết giữa triều đình với nhân dân, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc. Bên cạnh đó, đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, hiệu quả cùng nghệ thuật quân sự sáng tạo, độc đáo và sự chỉ huy tài tình của các tướng lĩnh cũng là các yếu tố quan trọng, góp phần đưa đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến”. (SGK Lịch sử 11, bộ Cánh diều, trang 49)

- a) Kẻ thù của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam trước 1858 đều là các triều đại phong kiến phương Bắc. **S**
- b) Tất cả các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử dân tộc Việt Nam trước năm 1858 đều giành được thắng lợi do có đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn và hiệu quả. **S**
- c) Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay. **Đ**
- d) Các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc thắng lợi đều xuất phát từ nguyên nhân chung là đã phát huy được sức mạnh của toàn dân để tạo nên sức mạnh to lớn. **Đ**

Câu 7. Cho đoạn tư liệu sau: “Trong kháng chiến chống ngoại xâm, nhất là đối với một kẻ thù hung bạo và có tiềm lực mạnh, tổ tiên chúng ta còn phải chú ý đặc biệt đến việc củng cố nội bộ lãnh thổ. Phải xây dựng đường sá, cầu cống, vét sông, khơi nguồn thường xuyên để có thể nhanh chóng chuyển quân rút lui chiến lược hay tổng phản công nhanh chóng,...”. (Trương

Hữu Quỳnh, Tác dụng của kháng chiến chống ngoại xâm đối với sự hình thành của dân tộc Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5, 1981, tr.23)

- a) Các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đã góp phần phát huy truyền thống dân tộc. **Đ**
- b) Nhiệm vụ xây dựng đất nước không tách rời nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc chính là nét đặc trưng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. **Đ**
- c) Theo đoạn trích, các hoạt động xây dựng đường sá, cầu cống, vét sông,... của tổ tiên ta chỉ nhằm mục đích phục vụ cho các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. **S**
- d) Một số cuộc kháng chiến chống ngoại xâm không thành công đã để lại bài học kinh nghiệm quý báu cho lịch sử dựng nước và giữ nước sau này. **Đ**

Câu 8. Cho bảng thông tin sau đây: *Thời gian Nội dung sự kiện Giữa năm 1788 Bị quân Tây Sơn đánh bại, vua Lê Chiêu Thống cùng một số quan đại thần chạy lên phía Bắc, rồi cho người sang cầu viện nhà Thanh. 11 – 1788 Vua nhà Thanh là Càn Long cử Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân sang xâm lược Đại Việt, theo ba hướng chính: Tuyên Quang, Cao Bằng và Lạng Sơn. 12 – 1788 Nhận tin cấp báo, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (niên hiệu Quang Trung), truyền đi lời “hịch” đánh đuổi quân Thanh, rồi “thần tốc” tiến quân ra Bắc. Tết Kỷ Dậu (1789) Quang Trung chia 10 vạn quân làm 5 đạo, tiến vào giải phóng Thăng Long. Chỉ trong 5 ngày (từ đêm 30 đến ngày 5-1), 29 vạn quân Thanh bị tiêu diệt.*

- a) Bảng thông tin là các sự kiện trong cuộc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung (1789). **Đ**
- b) Cuộc đại phá quân Thanh của vua Quang Trung diễn ra vào thời điểm mùa xuân của dân tộc. **Đ**
- c) Các thế hệ người dân Việt Nam luôn có nhiều hình thức vinh danh về phong trào Tây Sơn – một nét đẹp của truyền thống “uống nước nhớ nguồn”. **Đ**
- d) Chỉ huy 10 vạn nghĩa quân Tây Sơn đại phá quân Thanh trong dịp Tết Kỷ Dậu (1789) là hai vị tướng thiên tài – Nguyễn Huệ và Quang Trung. **S**

Câu 9. Cho đoạn tư liệu sau:

“Năm 1405, nạn đói xảy ra. Nhà Hồ lệnh cho các quan địa phương đi khám xét nhà giàu có thừa thóc, bắt phải bán cho dân đói theo thời giá. Nhà Hồ cũng đặt Quảng tế thự để chữa bệnh cho dân... Do nhu cầu tăng cường lực lượng quân sự, chuẩn bị chống ngoại xâm, những năm cuối thế kỉ XVI đầu thế kỉ XV, cũng xuất hiện những súng đại bác (súng Thần cơ), những thuyền lớn đi biển có lầu với tên gọi “Tải lương cổ lâu”, sự thực là những thuyền chiến...” Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1 - NXB Giáo Dục. tr 254 - 255.

- a) Đầu thế kỉ XV, sau khi lật đổ nhà Trần, nhà Hồ đã thực hiện chính sách chăm lo đời sống nhân dân. **Đ**
- b) Những cải cách của Hồ Quý Ly hướng tới mục đích khắc phục khủng hoảng, ổn định và phát triển đất nước, giữ vững độc lập chủ quyền. **Đ**
- c) Cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV, Hồ Quý Ly xây dựng lực lượng quân sự mạnh, vũ khí hiện đại để chuẩn bị tấn công nhà Minh. **S**
- d) Những việc làm của Hồ Quý Ly (cuối XIV - đầu XX) chỉ đơn thuần là việc tranh giành ngôi báu, địa vị, quyền lợi cho bản thân. **S**

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau:

“Về văn hoá, tư tưởng, cải cách của Hồ Quý Ly thể hiện tinh thần phát huy văn hoá dân tộc, đề cao chữ Quốc ngữ (chữ Nôm), đồng thời bài bác tư tưởng các thánh hiền Trung Quốc mà gần như toàn thể giới nho sĩ bấy giờ vẫn coi là bất khả xâm phạm. Về giáo dục, nội dung cải cách thể hiện tinh thần yêu nước, tính đại chúng và gắn bó với cuộc sống. (Phan Đăng Thanh - Trương Thị Hoà, Cải cách Hồ Quý Ly, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012, tr.156)

- a) Đoạn trích đề cập đến cải cách của Hồ Quý Ly trên tất cả mọi lĩnh vực. **S**
- b) Cải cách về văn hóa, tư tưởng của Hồ Quý Ly thể hiện nhiều điểm tích cực, tiến bộ **Đ**
- c) Về chữ viết, Hồ Quý Ly đề cao và khuyến khích sử dụng chữ Hán, đồng thời vẫn cho phép người dân được sử dụng chữ Nôm trong sáng tác thơ văn **S**

d) Một trong những ưu điểm trong cải cách của Hồ Quý Ly là nội dung giáo dục thể hiện tinh thần yêu nước, mang tính quần chúng sâu sắc **D**

Ngày soạn:

Tiết: 33

KIỂM TRA GHK2

ĐỀ KTRA CHUNG CỦA TRƯỜNG

Ngày soạn: 6/3/25

Tiết: 34,35

BÀI 10:

CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Trình bày được bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông
- Trình bày được nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách
- Đánh giá đúng tiến bộ, tác động cuộc cải cách đối với đương thời và rút ra bài học cho công cuộc cải cách hành chính của Việt Nam hiện nay

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- +Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- +Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm
- +Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

- +Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các loại tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,...) biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu trong học tập lịch sử.
- +Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: Đánh giá đúng những tiến bộ, tác động cuộc cải cách đối với đương thời
- +Năng lực vận dụng kiến thức: vận dụng kiến thức đã học rút ra bài học cho công cuộc cải cách hành chính của Việt Nam hiện nay

3. Phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi và khám phá lịch sử.

Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

-Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, SGK, SGV, SBT Lịch sử 11.

-Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 11, các hình ảnh, tư liệu khác viết về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông

-Phiếu bài tập dành cho HS.

-Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

-SGK Lịch sử 11.

-Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo sự hứng thú, kích thích HS muốn khám phá, tìm hiểu về các cuộc cải cách Lê Thánh Tông. Đồng thời, giúp GV giới thiệu bài học một cách lôi cuốn, hấp dẫn; HS được tiếp xúc, có điều kiện làm quen với một số từ khóa

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ

Có 4 ô chữ, mỗi ô chữ được lật mở là 1 gợi ý đến 1 nhân vật bí ẩn. Hãy giải thích vì sao ô chữ có mối liên hệ với nhân vật

c. Sản phẩm:

Ô số 1: có 5 chữ cái: Ngọn núi cao nhất trong khối núi Đại Lãnh thuộc huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên là ngọn núi nào? **ĐÁ BIA**

Ô số 2: có 4 chữ cái: Sau khi khởi nghĩa Lam Sơn thành công, vương triều phong kiến nào được thiết lập ở Việt Nam (1428)? **LÊ SƠ**

Ô số 3: có 7 chữ cái: Bộ luật đầu tiên của phong kiến Việt Nam đề cập đến một số quyền lợi của phụ nữ là bộ luật nào? **HỒNG ĐỨC**

Ô số 4: có 6 chữ cái: Các tác phẩm thi ca của hội thơ này được trình bày lần đầu trong tập thơ "Hong Đức Quốc âm thi tập". Đó là hội thơ nào? **TAO ĐÀN**

Giải thích

Ô số 1: Núi Đá Bia: trong cuộc Nam Tiến 1470, Lê Thánh Tông cho khắc bia đá đánh dấu lãnh thổ Đại Việt và Chiêm Thành

Ô số 2: Hội thơ Tao Đàn do Lê Thánh Tông Lập

Ô số 3: Luật Hồng Đức ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông

Ô số 4: Lê Thánh Tông là vị vua thứ 4 và tại vị lâu nhất của nhà Lê Sơ

Tất cả ô chữ đều dẫn đến nhân vật **Lê Thánh Tông**

HS trình bày một số hiểu biết của bản thân về vua Minh Mạng, về cuộc đời và cải cách của ông.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu ô chữ cho HS quan sát

- HS hoạt động cá nhân-> mở các ô chữ

- GV mở hình ảnh chân dung vua Lê Thánh Tông và lời trích dẫn của Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt sử ký toàn thư tập II: Ông được coi là vị vua "*sáng lập chế độ, văn vật khả quan, mở mang đất đai, cõi bờ khá rộng, thực là bậc anh hùng tài lược*"

- GV dẫn dắt: Theo em vì sao vua Lê Thánh Tông lại được đánh giá cao như vậy? Chia sẻ những hiểu biết của em về những chính sách cải cách của Lê Thánh Tông, cũng như kết quả, ý nghĩa của các chính sách đó.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày một số hiểu biết của bản thân về triều đình Lê sơ, vua Lê Thánh Tông

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, học tập

- GV nhận xét, tuy nhiên không đánh giá HS trả lời đúng/sai.

- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

***Hoạt động 1: 1. Tìm hiểu về Bối cảnh lịch sử**

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc cải cách của Lê Thánh Tông

b. Nội dung: GV nêu vấn đề, tổ chức cho HS chơi trò *Ô chữ*; HS vận dụng hiểu biết thức tế, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS cho các ô chữ hàng ngang có liên quan đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội dẫn đến cuộc cải cách

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu vấn đề: Để biết vì sao Vua Lê Thánh Tông phải tiến hành cuộc cải cách vào thế kỉ XV. Chúng ta đi vào tìm hiểu tình hình chung về chính trị, kinh tế, xã hội của nước Đại Việt dưới thời Lê

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Ô chữ*.

- GV yêu cầu HS, đọc thông tin mục 1, kết hợp với các Tư liệu lịch sử và thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

- GV nêu câu hỏi theo các ô chữ mà HS lựa chọn:

+ *Ô số 1 (7 chữ cái): một trong những tình trạng ảnh hưởng đến đến tính tập quyền của nhà nước Lê sơ khi mới thành lập như thế nào ?*

+ *Ô số 2 (13 chữ cái): một trong những vấn đề ảnh hưởng đến nguồn thu của triều đình sau khi nhà lê được thành lập?*

+ *Ô số 3 (8 chữ cái): một trong những vấn nạn của địa phương khiến cho nhân dân bị chèn ép?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lựa chọn các ô chữ hàng ngang theo ý thích, kết hợp với tư liệu trong SGK trang 67.

- HS tìm được ô chữ chủ đề.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện HS xung phong trả lời:

1			P	H	E	C	A	N	H				
2	T	H	I	Ê	U	R	U	Ô	N	G	Đ	Â	T
3				C	U	Ơ	N	G	H	A	O		

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, kết luận:

1. Bối cảnh lịch sử

-Về chính trị: Nội bộ triều đình Lê sơ có nhiều mâu thuẫn và biến động, đặc biệt là tình trạng phe cánh trong triều và sự lộng quyền của một bộ phận công thần.

-Về kinh: Chế độ ruộng đất vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất canh tác, nguồn thu của nhà nước bị ảnh hưởng.

- Về xã hội: Nạn cường hào lộng hành và quan lại tham ô, nhũng nhiễu ngày càng nhức nhối, tình trạng coi thường pháp luật trở nên phổ biến.

=> Trong bối cảnh đó, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã từng bước tiến hành cải cách nhằm tăng cường quyền lực của hoàng đế và bộ máy nhà nước.

-GV chuyển sang nội dung mới.

*** Hoạt động 2: 2.Tìm hiểu nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông về chính trị**

a. Mục tiêu

- HS trình bày được nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông: tổ chức bộ máy chính quyền, luật pháp, quân đội.

- So sánh bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông với triều đại trước đó và rút ra nhận xét.

- Điểm mới và tiến bộ của Luật Hồng Đức.

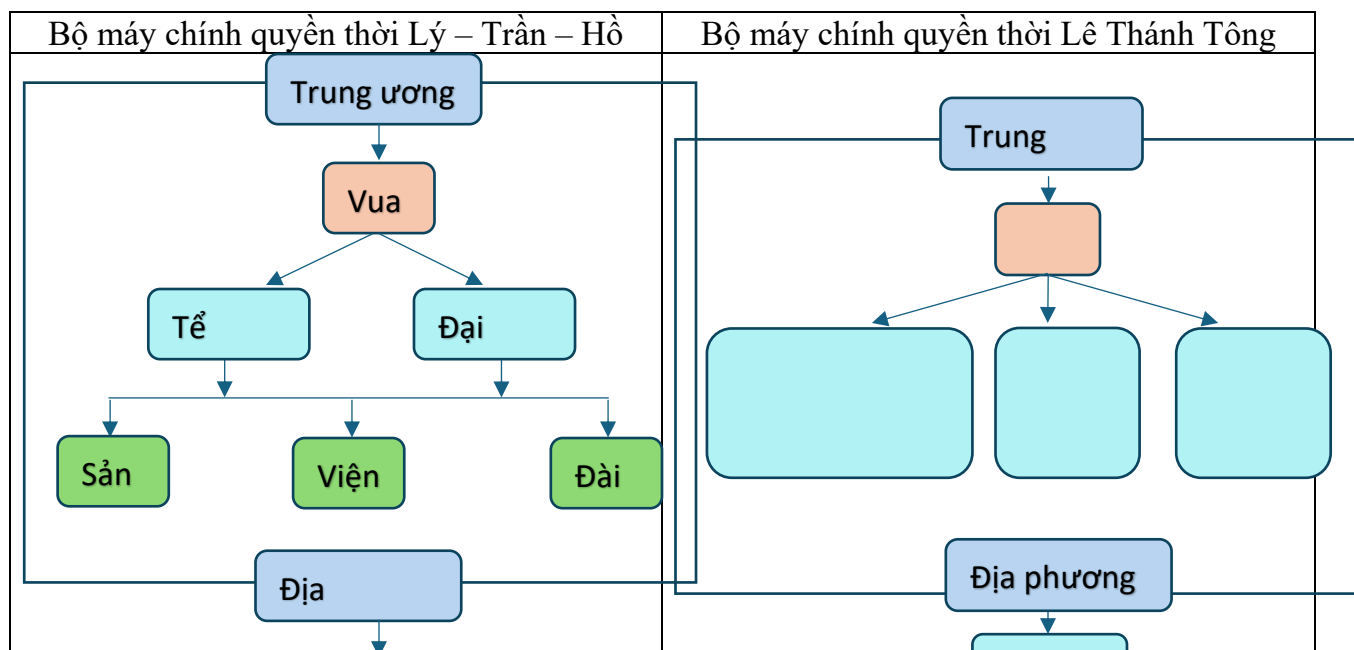
- Nhận xét về cách tổ chức quân đội thời Lê Thánh Tông.

b. Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát phiếu HT cho HS làm việc cặp đôi, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 68,69,70 kết hợp quan sát Hình 1+ Hình 2 để hoàn thành các nhiệm vụ sau :

* Điền thông tin vào sơ đồ tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê Thánh Tông. So sánh bộ máy chính quyền thời Lê Thánh Tông với bộ máy chính quyền thời Lý – Trần – Hồ.



* Nghiên cứu tư liệu sau và cho biết những điểm mới, tiến bộ trong việc cải cách về luật pháp thời Lê Thánh Tông

“Con gái hứa gả chồng **Phủ** thành hôn nếu người con trai bị ác tật **phạm** tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái kêu quan mà trả lại đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không **Huỷ** lại đồ lễ, trái luật bị phạt 80 trượng” (Điều 16)

“Những người phạm tội **Châu** trở lên, 15 tuổi trở xuống và những kẻ **Xã** (tức những kẻ si, câm, cơ thể què quặt, gãy tay chân) phạm tội lưu, đồ trở xuống được **phạt** bằng tiền; 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở **phạt** là những kẻ bệnh nặng (là những ác tật **phạm** cuồng, tay chân bại liệt, mù hai mắt) phạm tội phản nghịch, giết người, đáng lẽ phải xử tử thì trong trường hợp này phải tâu lên để **phạt** quyết định. Những người này phạm tội trộm, **phạt** người bị thương thì cũng cho chuộc tội, **phạt** trở lên, 7 tuổi trở xuống, dù phạm tội cũng không áp dụng hình phạt”. (Điều 16)

“Khi phạm tội chưa già, tàn tật. Khi già, tàn tật mới phát giác tội thì xử tội theo luật già, tàn tật...Khi còn nhỏ mà phạm tội, khi lớn mới phát giác tội thì xử tội theo luật tuổi nhỏ”. (Điều 17)

* Nội dung cải cách về quân đội thời Lê Thánh Tông?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động cặp đôi, HS đọc thông tin, kết hợp quan sát các hình 1+2 trang 68, 69, 70 SGK để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, hướng dẫn HS trong khi làm việc (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- GV mời đại diện các cặp trình bày kết quả thảo luận.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV đặt các câu hỏi phát vấn nhằm khắc sâu kiến thức:

+ Nhận xét về cách tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê Thánh Tông?

- .) Hoàn chỉnh và đầy đủ hơn so với triều đại trước
 + *Tác dụng của cuộc cải cách bộ máy chính quyền thời Lê Thánh Tông?*
 .) Làm cho bộ máy nhà nước trở nên quy củ, chặt chẽ, tập trung cao độ, đề cao quyền hành của hoàng đế. Các chức danh được quy định rõ ràng, hệ thống giám sát được tăng cường, hạn chế sự tập trung quyền lực dẫn đến chuyên quyền và nguy cơ cát cứ -> Bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế nhà Lê đạt đến mức độ cao, hoàn thiện.
 + *Điểm mới và tiến bộ của Luật pháp thời Lê Thánh Tông? Đánh giá về bộ luật Hồng Đức*
 .) Có sự phân biệt hình phạt với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ, bảo vệ quyền lợi và địa vị của phụ nữ...
 .) Đánh giá : là bộ luật hoàn chỉnh nhất của nhà nước phong kiến VN, thể hiện rõ tính chất giai cấp và quyền lực của nhà nước phong kiến đối với nhân dân, là bộ luật tương đối tiến bộ thời PK, mang đậm nét sáng tạo và tinh thần thực tiễn của GCPK VN trong giai đoạn đi lên.
 + *Nhận xét về cách tổ chức quân đội thời Lê Thánh Tông ?*
 .) Quân đội có trình độ kỹ thuật và tác chiến khá cao so với thời bấy giờ. Với lực lượng quân đội và quốc phòng hùng mạnh, nhà nước Lê sơ đã trấn áp được các thế lực chống đối ở trong nước và nước ngoài, bảo vệ quốc gia độc lập, tự chủ.

Bước 4: Kết luận, nhận định

♦ Tổ chức bộ máy chính quyền

- Trung ương

- + Nhiều chức quan cũ bị bãi bỏ. Vị trí, vai trò của các chức quan đại thần suy giảm.
- + Mọi công việc trong triều tập trung về Lục bộ, đặt ra Lục tự để giúp việc cho lục Bộ, Lục khoa để theo dõi, giám sát hoạt động của Lục bộ.

- Địa phương

- + Chia đất nước thành 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo có 3 ty.
- + Dưới đạo là phủ -> huyện/châu (đứng đầu là tri phủ, tri huyện) -> xã (đứng đầu là xã trưởng).

- Bộ máy quan lại

- + Tuyển chọn chủ yếu thông qua khoa cử.
- + Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có năng lực và phẩm chất tốt. Tổ chức nhiều khoa thi để chọn nhân tài và đặt lệ định kì kiểm tra năng lực quan lại.

♦ Luật pháp

- Ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) thể hiện 1 số điểm mới và tiến bộ.

♦ Quân đội

- 1466, cải tổ hệ thống quân đội. Cả nước được chia thành 5 khu vực quân sự. Mỗi phủ quân phụ trách từ 2-3 địa phương lớn.
- Có nhiều ưu đãi đối với binh lính. Kỉ luật quân đội và việc huấn luyện hàng năm được quy định chặt chẽ.

Phụ lục – Giải thích một số thuật ngữ

*** Lục bộ:**

Lại Bộ: Trông coi việc tuyển bổ, thăng thưởng và thăng quan tước;

Lễ Bộ: Trông coi việc đặt và tiến hành các nghi lễ, tiệc yến, học hành thi cử, đúc ấn tín, cất giữ người coi giữ đình, chùa, miếu mạo;

Hộ Bộ: Trông coi công việc ruộng đất, tài chính, hộ khẩu, tô thuế kho tàng, thóc tiền và lương, bổng của quan, binh;

Binh Bộ: Trông coi việc binh chính, đặt quan trấn thủ nơi biên cảnh, tổ chức việc giữ gìn các nơi hiểm yếu và ứng phó các việc khẩn cấp;

Hình Bộ: Trông coi việc thi hành luật, lệnh, hành pháp, xét lại các việc tù, đày, kiện cáo;

Công bộ: Trông coi việc xây dựng, sửa chữa cầu đường, cung điện thành trì và quản đốc thợ thuyền.

*** Lục tự :**

Đại lý tự: cơ quan phụ trách hình án. Xét xong án chuyển sang Bộ Hình để tâu lên vua quyết định

Thái thường tự: cơ quan phụ trách lễ nghi, âm nhạc cung đình

Quang lộc tự: phụ trách hậu cần đồ lễ trong các buổi lễ của triều đình

Thái bộc tự: cơ quan phụ trách xe ngựa của vua và coi sóc ngựa của hoàng tộc

Hồng lô tự: Tổ chức việc xướng danh những người đỗ trong kỳ thi đình; lo an táng đại thần qua đời và tiếp đón sứ đoàn

Thượng bảo tự: Cơ quan coi việc đóng ấn vào quyển thi của các thí sinh thi Hội

*** Lục khoa :** Cơ quan giám sát Lục bộ bao gồm: Lại khoa, Lễ khoa, Hộ khoa, Binh khoa, Hình khoa, Công khoa. Đứng đầu các khoa là Đô cấp sự trung và Cấp sự trung. Giúp việc cho Lục bộ là *Lục tự*.

*** Thông Chính ty:** cơ quan phụ trách chuyển đạt giấy tờ của triều đình xuống và nhận đơn từ của nhân dân tâu lên vua. Đứng đầu là Thông chính sứ, trật Tòng tứ phẩm.

*** Quốc Tử Giám:** cơ quan giáo dục cao nhất trong cả nước. Đây là trường đại học của triều đình có nhiệm vụ đào tạo nhân tài cho quốc gia. Đứng đầu là Tế tửu, trật chánh tứ phẩm.

*** Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông về kinh tế và văn hóa**

a. Mục tiêu

- HS trình bày được nội dung cuộc cải cách của Lê Thánh Tông về kinh tế, văn hóa
- Phân tích được tác dụng, ý nghĩa.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

-GV phát phiếu học tập và yêu cầu học sinh đọc thông tin, tư liệu và quan sát H3/ SGK/Tr70 để hoàn thành cột 1.

- Sau khi HS làm việc cá nhân và hoàn thành yêu cầu 1, Gv yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để rút ra nhận xét về chính sách cải cách KT và VH của vua Lê Thánh Tông.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động cặp đôi, HS đọc thông tin, kết hợp quan sát các hình 1+2 trang 68,69,70 SGK để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV quan sát, hướng dẫn HS trong khi làm việc (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- GV mời HS và đại diện các cặp trình bày kết quả làm việc cá nhân và cặp đôi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Kết luận

Lĩnh vực	Nội dung chính sách	Nhận xét
Kinh tế	Lộc điền: Ban cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm theo quy chế thống nhất	- Chế độ quân điền vào thời điểm bấy giờ để tạo niềm tin cho nông dân yên tâm sản xuất, hạn chế phong trào đấu tranh
	Quân điền: Phân chia ruộng đất công cho các hạng từ quan lại ,	

	bình lính, dân đinh cho đến trẻ mồ côi, góa bụa...	của nông dân, giữ yên trật tự XH.
	Khuyến khích khai khẩn đồn điền...	Chính sách ruộng đất này hoàn toàn mới so với các triều đại trước. -Chính sách lộc điền và khai khẩn đồn điền về cơ bản không có gì khác với các triều đại trước về mục đích thực hiện.
Văn hóa- Giáo dục	Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn	Góp phần củng cố chế độ phong kiến thông qua việc đề cao vai trò của vua tập quyền, củng cố tôn ti trật tự XH PK.
	Ban hành quy chế thi cử chặt chẽ với 3 kì thi Hương, thi Hội, thi Đình định kì với “cách đỗ rộng rãi, cách chọn người công bằng” Mở rộng hệ thống trường công đến cấp phủ, huyện. Tổ chức lễ xướng danh, vinh quy bái tổ, khắc tên trên văn bia tại Văn miếu –Quốc Tử Giám với người đỗ Tiến sĩ.	Tuyển chọn được người tài ra giúp vua, giúp nước -Nâng cao trình độ dân trí -Khuyến khích tinh thần học tập trong nhân dân.

-GV kết hợp giải thích các từ ngữ.

+ Lộc điền: Trong số ruộng công, một bộ phận được đem phong thưởng cho các công thần, ban cho các quý tộc và quan lại, gọi là lộc điền. Các thân vương hoàng tộc có thể được cấp tới 2000 mẫu ruộng (500 mẫu trong đó là đất tập ấm thừa kế); các quan chính nhất phẩm được cấp 200 mẫu ruộng (trong đó 20 mẫu là đất tập ấm thừa kế).

Tuy nhiên, [Lê Quý Đôn](#) trong sách *Kiến văn tiểu lục* cho rằng: ruộng đất trên thực tế có không đủ để thực hiện chính sách lộc điền này, do đó chính sách chỉ thực hiện được một phần, do đó trên danh nghĩa các quý tộc và quan lại được hưởng 10 phần song thực tế chỉ được cấp phát bằng khoảng 1/5 trên giấy tờ

+ “Quân điền”: Chia đều ruộng đất. “Người nào hàm tam phẩm được 11 phần, tứ phẩm 10 phần, ngũ phẩm chín phần rưỡi, lục phẩm 9 phần, thất phẩm 8 phần rưỡi, bát phẩm 8 phần, cửu phẩm 7 phần rưỡi. Từ cửu phẩm tập lưu trở xuống, lại dịch, bình lính, dân đinh, các hạng thợ, người già, các hạng bệnh tật, mồ côi, góa bụa đều được cấp từ 7 phần đến 3 phần, nhiều ít khác nhau.”

*Hoạt động 4: Kết quả, ý nghĩa

a.Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS đánh giá được kết quả và thấy được ý nghĩa cải cách của Lê Thánh Tông

b. Nội dung: GV tổ chức kĩ thuật khăn trải bàn, thảo luận GV yêu cầu thảo luận nhóm, đọc thông tin mục 3 SGK tr.72 và trả lời câu hỏi: Kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời về những kết quả đạt được từ cuộc cải cách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ?

- Ý nghĩa của cuộc cải cách đối với lịch sử dân tộc ?

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS cả lớp thành 4 nhóm (cùng thực hiện một nhiệm vụ học tập).

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, đọc thông tin mục 3, kết hợp với các Tư liệu lịch sử và thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau:

+ **NV1** Phân tích kết quả đạt được về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội từ cuộc cải cách ?

+ **NV2:** Phân tích ý nghĩa của cuộc cải cách đối với lịch sử dân tộc .

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn các nhóm thảo luận, khai thác tư liệu:

+ Hs sử dụng giấy A0

+ Cá nhân Hs trong các nhóm ghi ý kiến của mình vào mẫu giấy nhớ rồi dán vào vị trí và thảo luận trong nhóm

+ tập hợp và thống nhất Kết , quả câu trả lời vào giấy A0

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

-GV chọn một nhóm lên báo cáo kết quả học tập của nhóm mình

-Các nhóm khác đối chiếu với sản phẩm làm việc của nhóm mình, có câu hỏi tranh luận, phản biện ,góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, kết luận: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

- Kết quả:

+ Đưa tới sự xác lập của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mang tính quan liêu theo đường lối pháp trị. Bộ máy nhà nước thời Lê sơ trở nên hoàn chỉnh, chặt chẽ.

+ Đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của Đại Việt cũng có những biến đổi lớn, trong đó nổi bật là sự phát triển của nền kinh tế tiểu nông và sự thống trị của tư tưởng Nho giáo.

- Ý nghĩa:

+ Thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao.

+ Đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.

3. Luyện tập

a. Mục đích

Nhằm củng cố, hệ thống hóa, bổ trợ kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hoàn cảnh, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách Lê Thánh Tông

b. Tổ chức thực hiện

Giáo viên tổ chức trò chơi: *Vòng quay may mắn.*

Luật chơi: Chia lớp thành 2 đội, các đội lần lượt chọn câu hỏi, mỗi lượt chọn và trả lời đúng câu hỏi, bạn đó sẽ được quyền quay ô số may mắn. Cuối cuộc chơi, đội nào đạt nhiều điểm hơn sẽ giành phần thắng, được nhận phần quà của GV.

Học sinh hoạt động theo nhóm. Gv tổng kết và công bố kết quả cuộc chơi

Câu 1: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng mục đích của cuộc cải cách Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Thiết lập chế độ quân chủ lập hiến
- B. Hạn chế tình trạng phe cánh trong triều đình
- C. Giải quyết ruộng đất cho nông dân
- D. Tập trung quyền lực vào tay vua.

Câu 2: Dưới thời vua Lê Thánh Tông đã ban hành bộ luật nào sau đây?

- A. Gia Long
- B. Hình Thư
- C. Hình luật
- D. Hồng

Đức

Câu 3: Nội dung nào không phản ánh đúng cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)??

- A. Thành lập 6 bộ: Binh, Hình, Công, Lễ, Hộ, Lại
- B. Phát hành tiền giấy.
- C. Chia cả nước làm 13 đạo thừa tuyên
- D. Hạn chế quyền lực của vương hầu quý tộc.

Câu 4: Vua Lê Thánh Tông đã đưa tư tưởng nào lên địa vị độc tôn?

- A. Phật giáo
- B. Thiên Chúa giáo
- C. Nho giáo
- D. Đạo giáo

Câu 5: Để vinh danh những người thi đỗ tiến sĩ, năm 1484 vua Lê Thánh Tông đã cho

- A. dựng bia Tiến sĩ
- B. xây dựng Quốc tử giám
- C. lập Hội thơ Tao đàn
- D. ban hành Luật Hồng Đức.

Câu 6: Về kinh tế, cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông coi trọng sự phát triển trong lĩnh vực nào?

- A. Thương mại
- B. Công nghiệp
- C. Hàng hải
- D. Nông nghiệp

Câu 7: Điểm chung của cuộc cải cách của Lê Thánh Tông và Hồ Quý Ly là

- A. chia cả nước thành các đạo Thừa tuyên
- B. Nho giáo được coi trọng
- C. phát hành tiền giấy.
- D. ban hành chính sách quân điền.

Câu 8: Một trong những điểm mới của bộ luật Hồng Đức là

- A. bảo vệ quyền lợi của hoàng tộc
 - B. Tập trung quyền lực vào tay vua
 - C. bảo vệ quyền lợi phụ nữ
 - D. quy định mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật
- c. Kết quả cần đạt

1-A; 2-D; 3-B; 4-C; 5-A; 6-D; 7-B; 8-C

4. Vận dụng

a. Mục đích

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà học sinh đã được lĩnh hội để liên hệ với cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay.

b. Tổ chức thực hiện

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

Những kinh nghiệm hoặc bài học nào từ cuộc cải cách của Lê Thánh Tông có thể vận dụng trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

- Học sinh trao đổi theo từng cặp đôi và trả lời theo ý hiểu của mình

- Giáo viên nhận xét kết luận kiến thức

c. Kết quả cần đạt: Một số bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện nay:

- Bài học coi trọng công tác tổ chức chính quyền địa phương trực thuộc trung ương: Vua Lê Thánh Tông rất coi trọng cải cách chính quyền cấp đạo vì phần lớn chính sách của nhà nước trung ương đều bắt đầu triển khai từ cấp đạo. Nếu chính quyền cấp đạo không hoạt động hiệu quả thì chính sách của nhà nước chỉ dừng lại trên văn bản

- **Bài học về tập trung quyền lực vào bộ máy trung ương, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong bộ máy hành chính**

Để bảo đảm quyền lực tuyệt đối của mình, bảo đảm cho bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả, ngăn ngừa tệ quan liêu, tham nhũng của quan lại, Lê Thánh Tông đặc biệt quan tâm thiết kế cơ quan chuyên trách công tác kiểm tra, giám sát quan lại. Lục Bộ theo chức trách hoạt động lại có Lục Khoa giám sát. 6 cơ quan này không đặt trong các Bộ, mà trực thuộc Vua.

+ Thực hiện nguyên tắc “trên dưới liên kết hiệp đồng, trong ngoài kiểm chế lẫn nhau” trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước;

+ Thực hiện nguyên tắc “chức vụ và trách nhiệm nghiêm minh, quyền lợi và nghĩa vụ tương xứng”;

+ Quản lý nhà nước bằng pháp luật, thượng tôn pháp luật.

+ Tuyển chọn cán bộ, công chức nhà nước một cách công khai, minh bạch;

+ Tăng cường công tác giám sát, đánh giá năng lực của cán bộ, công chức nhà nước.

+ Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước.

Ngày soạn: 16/3/25

Tiết: 36,37

Bài 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

I- MỤC TIÊU

1. Năng lực

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua khai thác hình ảnh lược đồ và đọc thông tin tư liệu để trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung của cuộc cải cách thời Minh Mạng.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc trình bày kết quả và ý nghĩa của cuộc cải cách của Minh Mạng

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tìm hiểu và phân loại sử liệu, vẽ sơ đồ tư duy, chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày về các chính sách cải cách của Minh Mạng

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi thảo luận nhóm về nội dung bài học

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập

- Có ý thức trân trọng những giá trị tốt đẹp mà thế hệ trước đã để lại

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu

- Bảng biểu, tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa.

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

GV cho HS xem hình ảnh và giới thiệu về lăng vua Minh Mạng

- Từ năm 1831, với cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng- vị vua thứ 2 của triều Nguyễn, lãnh thổ Việt Nam được chia thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên. Cấp tỉnh lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử hành chính quốc gia và tiếp tục duy trì đến ngày nay với vị trí cấp hành chính địa phương cao nhất . Vậy cuộc cải cách của Minh Mạng diễn ra trong bối cảnh nào ? Nội dung cụ thể là gì ? Kết quả, ý nghĩa ra sao .

2. Hình thành kiến thức

Hoạt động dạy- học	Dự kiến sản phẩm
2.1 . Tìm hiểu về bối cảnh lịch sử a. Mục tiêu : Trình bày được bối cảnh lịch sử của cuộc cải cách của Minh Mạng b. Tổ chức thực hiện : * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ . Trình bày về bối cảnh của cuộc cải cách của vua Minh Mạng .Để HS trả lời câu hỏi này , GV đặt những câu hỏi nhỏ - Tình hình đất nước dưới thời vua Gia Long như thế nào ? - Những khó khăn của đất nước cần tiếp tục giải quyết là gì ? * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. * Bước 3: Báo cáo - Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi. * Bước 4: Đánh giá , kết luận - GV cho học sinh khai thác Góc mở rộng để thấy được Minh Mạng là vị vua có năng lực, đa tài quyết đoán . Những cải cách của vua đã đưa đến sự thay đổi đối với cuộc cải cách hành chính quốc gia Hoạt động 2.2: Tìm hiểu nội dung cuộc cải cách của Minh Mạng 2.2.1. Tìm hiểu về bộ máy chính quyền trung ương a. Mục tiêu : Trình bày được nội dung của Minh Mạng về bộ máy chính quyền trung ương	1. Bối cảnh lịch sử - Triều Nguyễn được thành lập , cai quản lãnh thổ rộng lớn, kéo dài từ Bắc vào Nam. Dưới thời vua Gia Long bộ máy nhà nước còn chưa hoàn thiện thiếu sự thống nhất , quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế, không kiểm soát chặt chẽ được các trấn , an ninh – xã hội ở các địa phương gặp nhiều bất ổn => Từ bối cảnh trên đặt ra yêu cầu cần phải hoàn thiện bộ máy, khắc phục tính thiếu thống nhất và phân quyền của bộ máy nhà nước 2. Nội dung cải cách - Trọng tâm của cuộc cải cách là hành chính + Trung Ương - Cải tổ cơ quan văn thư phòng thay thế bằng nội các (1829) cơ quan hành chính

<i>b. Tổ chức thực hiện :</i> * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc theo bàn đọc thông tin tư liệu và quan sát hình 2 để thực hiện nhiệm vụ : Trình bày nội dung cải cách Minh Mạng đối với chính quyền trung ương . Để hs thấy được Minh Mạng chú trọng đến việc xét xử, giải quyết kiện tụng đặc biệt là các vấn đề oan ức * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. * Bước 3: Báo cáo - Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi. * Bước 4: Đánh giá , kết luận - Giáo viên nhấn mạnh : Minh mạng cải cách theo hướng tập trung quyền lực vào nhà vua, nâng cao vai trò của các cơ quan văn phòng, giám sát, tham mưu .Các cơ quan trong triều đình có sự ràng buộc, liên đới trách nhiệm giám sát lẫn nhau . 2.2.2 Tìm hiểu về bộ máy chính quyền đại phươg <i>a. Mục tiêu :</i> Trình bày được nội dung cải cách của Minh Mạng về bộ máy chính quyền địa phương <i>b. Tổ chức thực hiện :</i> * Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho hs làm việc theo nhóm , đọc thông tin và quan sát hình ảnh 3,4 để thực hiện nhiệm vụ : Trình bày nội dung cải cách của Minh Mạng đối với bộ máy chính quyền địa phương Khai thác hình 3: để thấy được các tỉnh (trước đây là các trấn ở Đàng Trong, Đàng Ngoài cũ)giờ đây đặt dưới sự kiểm soát điều hành trực tiếp của triều đình. . Bên cạnh đó, một hệ thống phân cấp hành chính mới cùng các cơ quan, chức năng và cơ chế làm việc mới được thiết lập theo hướng thống nhất, quy củ, chặt chẽ - Khai thác hình 4 : Để thấy cuộc cải cách đưa đến sự thống nhất quốc gia về mặt hành chính , việc phân chia đơn vị cấp tỉnh thời Nguyễn đặt cơ sở quan trọng đối với nền hành chính quốc gia sau này * Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. * Bước 3: Báo cáo - Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi. * Bước 4: Đánh giá , kết luận	trung ương chuyên và tiếp nhận công văn từ triều đình đến địa phương và ngược lại , khởi thảo và lưu giữ công văn - Đặt các cơ quan mới : Cơ mật viện (1824) cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về các vấn đề quân sự quan trọng ... - Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ , Lục Tự , Lục khoa và Đô sát viện ... + Địa Phương : Xóa bỏ Bắc Thành và Gia Định thành, chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên – - Đối với các vùng dân tộc thiểu số : thử nghiệm chế độ lưu quan, cử quan lại của triều đình trực tiếp cai trị các vùng dân tộc thiểu số - Thi hành chế độ hồi Ty quy định những người thân không được làm quan cùng một chỗ
---	--

- GV kết luận : Một trong những thành công lớn nhất của công cuộc cải cách đối với bộ máy chính quyền địa phương là đã xóa bỏ Bắc Thành và Gia Định thành đây là những cơ quan quản lí có quyền lực rất lớn, ảnh hưởng đến quyền lực của nhà nước, gây nguy cơ cát cứ, chia cắt đất nước .

2.3 Tìm hiểu về kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng

a. Mục tiêu : Trình bày được kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng

b. Tổ chức thực hiện :

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho hs làm việc cá nhân, đọc thông tin và tư liệu để thực hiện nhiệm vụ : Trình bày kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

* Bước 3: Báo cáo

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi.

* Bước 4: Đánh giá , kết luận

- **GV mở rộng:** Cuộc cải cách của Minh Mạng tập trung chủ yếu và lĩnh vực hành chính cuộc cải cách này có nhiều điểm tương đồng với cải cách tổ chức bộ máy chính quyền của vua Lê Thành Tông trước đây

- GV đưa ra nhận xét

- Như vậy, với cuộc cải cách này, Minh Mạng đã làm được một sự nghiệp lớn lao. Nếu Gia Long thống nhất đất nước về lãnh thổ thì Minh Mạng thống nhất đất nước về mặt hành chính.

- Với cải cách này, tính quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền mạnh hơn bao giờ hết.

- Cuộc cải cách này thể hiện rõ sự mô phỏng, sao chép của mô hình phương Bắc.

- Minh Mạng đã gần như trở thành Lê Thánh Tông ở thế kỉ XIX.

* Tuy nhiên cuộc cải cách này đã khiến cho nhà Nguyễn mạnh hơn nhưng không giải quyết được những vấn đề cơ bản của quốc gia và không đáp ứng được nhu cầu canh tân đổi mới đất nước, thậm chí còn ngăn cản quá trình canh tân.

3. Kết quả và ý nghĩa

*Kết quả

+ Hệ thống hành chính trên cả nước đã được cấu trúc lại một cách thống nhất, chặt chẽ và tập trung, quyền lực của hoàng đế và triều đình được tăng cường cao độ;

+ Hệ thống cơ quan, chức quan các cấp được hoàn thiện và có sự giám sát, ràng buộc chặt chẽ với nhau.

+ Với sự xác lập của nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quan liêu, tình hình an ninh - xã hội ở các địa phương từ sau cải cách Minh Mạng cũng có những chuyển biến theo hướng tích cực.

*Ý nghĩa:

+ Thể hiện tài năng, tâm huyết của vua Minh Mạng và nỗ lực của triều Nguyễn trong quá trình quản lí đất nước, có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị - xã hội, đồng thời đặt nền móng cho thể chế chính trị triều Nguyễn nhiều thập kỉ sau đó.

+ Cuộc cải cách cũng để lại những di sản quan trọng trong nền hành chính quốc gia thời kì cận - hiện đại, đặc biệt là cấu trúc phân cấp hành chính địa phương tỉnh, huyện, xã.

Điều còn lại là hệ thống hành chính thời Minh Mạng đã để lại những di sản cho nền hành chính Việt Nam đương đại, thể hiện rõ qua hệ thống 4 cấp: trung ương → tỉnh → huyện → xã.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu : Củng cố kiến thức đã học

b. Tổ chức thực hiện

GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Trước cuộc cải cách Minh Mạng, tình hình an ninh- xã hội ở các địa phương như thế nào ?

- A. Rối loạn trên quy mô lớn
- B. Được kiểm soát chặt chẽ
- C. Thường xuyên có nội chiến, mâu thuẫn
- D. Có nhiều bất ổn

Câu 2: Ba cơ quan ở trung ương mới được thành lập từ sau cải cách của Minh Mạng là

- A. Nội các, Hàn lâm viện, Cơ mật viện
- B. Đô sát viện, cơ mật viện, Nội các viện
- C. Cơ mật viện, Nội các, Đô sát viện
- D. Nội các, Đô sát viện, Cơ mật viện

Câu 3. Cuộc cải cách của Minh Mạng đã để lại những di sản quan trọng trong nền hành chính quốc gia thời kì cận hiện đại, đặc biệt là cấu trúc phân cấp hành chính địa phương

- A. Tỉnh, phủ, xã
- B. Tỉnh, huyện, xã
- C. Huyện, Tổng, xã xã
- D. Tỉnh, huyện, phủ

*** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS tìm và trả lời đáp án đúng của câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Mỗi câu hỏi GV mời một HS trả lời đáp án.
- GV mời HS khác tìm phương án đúng khi bạn trả lời sai.

*** Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức
- Sản phẩm dự kiến

1-D ,2- D , 3- B

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được hình thành để giải quyết một tình huống giả định trong thực tiễn, góp phần hình thành năng lực vận dụng kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề nhận thức mới, hay liên quan đến thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Liên hệ với thực tiễn cho biết những bài học kinh nghiệm nào từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện đại? Lấy ví dụ cụ thể.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sử dụng kiến thức thực tế và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

-GV cho học sinh làm bài ở nhà để ra ra bài học từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện đại: Sự liên đới, ràng buộc về mặt trách nhiệm và chế độ giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan nhà nước, quan tâm đến việc xét xử và giải quyết kiện tụng, phép hồi ty

Ngày soạn: 16/3/25

Tiết: 38,39

THỰC HÀNH 2 TIẾT VỀ SƠ ĐỒ TƯ CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG

Ngày soạn: 26/3/25

Tiết: 40, 41,42

CHỦ ĐỀ 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

BÀI 12 VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Thời gian thực hiện : 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Học sinh xác định được vị trí của Biển Đông, vị trí các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ,
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

2. Về năng lực :

- Tìm hiểu lịch sử : Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.
- Nhận thức và tư duy lịch sử : hiểu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông.
- Vận dụng để giải quyết vấn đề thực tiễn : có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin liên quan đến bảo vệ chủ quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

3. Về phẩm chất :

- Nhân ái : Trân trọng những thành tựu của ông cha ta.
- Trách nhiệm : Phát huy vai trò cá nhân trong công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo của quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên :

- Kế hoạch bài dạy : Biên soạn theo hướng phát triển năng lực học sinh.
- Tư liệu lịch sử : các hình ảnh, lược đồ, tư liệu
- Máy tính, Ti vi (máy chiếu)

2. Học sinh :

- SGK bộ Cánh Diều
- Tranh ảnh, tài liệu sưu tầm liên quan đến bài học, dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Tiết 1 : Vị trí, tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông
- Tiết 2 : Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

TIẾT 1,2

1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu : Tạo hứng thú, lôi cuốn học sinh tham gia khám phá về nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện (5-6p):

- GV tổ chức cho học sinh trò chơi “lật mảnh ghép” với 6 mảnh ghép. Mỗi mảnh ghép tương ứng với 1 câu hỏi có nội dung liên quan đến bài học. Học sinh trả lời đúng sẽ được lật mảnh ghép và dự đoán hình ảnh ẩn sau mảnh ghép đó.
- HS chia làm 2 đội, tham gia trò chơi. Sản phẩm là câu trả lời của HS liên quan đến chủ đề bài học .
- Kết thúc trò chơi, GV đặt câu hỏi liên quan đến hình ảnh học sinh vừa tìm được, yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết về nội dung đó.
- Sau khi HS trả lời, GV dẫn dắt vào bài học.

c. Sản phẩm : HS tìm được chủ đề bài học và nêu được hiểu biết của mình liên quan đến chủ đề.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động 1 : Tìm hiểu về vị trí của Biển Đông

a. Mục tiêu :

- HS xác định được vị trí của Biển đông trên lược đồ.

b. Tổ chức thực hiện

**Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ :*

- GV sử dụng lược đồ Biển Đông và các quốc gia Đông Nam Á hiện nay (Hình 2 SGK)
- + GV yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp với tư liệu SGK xác định vị trí của Biển Đông; kể tên các nước và vùng lãnh thổ tiếp giáp với Biển Đông.

** Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :*

- HS làm việc cá nhân, dựa vào tư liệu SGK để xác định được vị trí của Biển Đông.

** Bước 3: Báo cáo kết quả (10p)*

- GV lựa chọn ngẫu nhiên 1-2 HS báo cáo kết quả.
- HS khác có thể giơ tay phát biểu trình bày hoặc bổ sung kết quả HS trước đã trình bày.

** Bước 4. Kết luận – nhận định*

- GV nhận xét phân trình bày của học sinh, chốt kiến thức cơ bản.

- Tên gọi “Biển Đông” là để chỉ vùng biển nằm ở phía Đông của Việt Nam.
- Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, có chiều dài khoảng 1900 hải lí (nằm trong khoảng từ 3°N đến 26°B), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 600 hải lí (trong khoảng từ 100°Đ đến 121°Đ).
- là một trong những biển lớn của thế giới với diện tích hơn 3,447 triệu km², trải dài từ bờ biển Việt Nam ở phía tây đến các đảo Lu-dông, Pa-lau-oan (Philíppin) và Bô-nê-ô

(Indônêxia, Malaixia, Brunây) ở phía đông và từ bờ biển Trung Quốc ở phía bắc đến các đảo của Indônêxia ở phía nam.

- Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia (Việt Nam, Trung Quốc, Philíppin, Malaixia, Brunây, Indônêxia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia) và vùng lãnh thổ Đài Loan.

2.2. Hoạt động 2 : Tìm hiểu về Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

a. Mục tiêu :

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển..

b. Tổ chức thực hiện

**Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ :*

- GV sử dụng phiếu học tập, chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS sử dụng tư liệu SGK, tìm dẫn chứng để chứng minh về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông.

Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông	Dẫn chứng chứng minh
1. Tuyến giao thông đường biển huyết mạch	
2. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	
3. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	

Yêu cầu :

+ Nhóm 1,2 : Giải thích vì sao Biển Đông được coi là tuyến giao thông đường biển huyết mạch?

+ Nhóm 3,4 : Giải thích vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương?

+ Nhóm 5,6 : Giải thích sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên biển của Biển Đông?

** Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :*

- HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm đã được phân công, thống nhất nội dung để hoàn thành phần tìm hiểu của nhóm mình

** Bước 3: Báo cáo kết quả*

- GV giành thời gian để các nhóm báo cáo nhanh sản phẩm của nhóm mình trên bảng (giấy A1). Mỗi nhóm tối đa 3 phút.

- Đại diện các nhóm khác có thể giơ tay bổ sung kết quả các nhóm trước đã trình bày hoặc đặt các câu hỏi cho nhóm

** Bước 4. Kết luận – nhận định*

- GV nhận xét chung về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

- GV chốt kiến thức cơ bản bằng cách chiếu nội dung cơ bản trên màn hình TV (máy chiếu)

Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông	Dẫn chứng chứng minh
1. Tuyến giao thông đường biển huyết mạch	- Nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Á - châu Âu, châu Á - Trung Đông + Trong lịch sử, được coi là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư..

	+ Hiện nay, là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới . - Ở Biển Đông có những eo biển giữ vai trò quan trọng đối với nhiều quốc gia và nền kinh tế trên thế giới: eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Xun-đa, eo biển Lôm-bôc,... giúp cho đường giao thông trên biển qua các đại dương ngắn lại, tiết kiệm chi phí vận tải và hạn chế rủi ro.
2. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	<i>* Kinh tế :</i> - Vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế, vừa tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp giáp có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển. - Nhiều nước ở khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á có nền kinh tế gắn liền với các con đường thương mại, hệ thống cảng biển và nguồn tài nguyên trên Biển Đông. - Biển Đông được coi là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á với một khối lượng lớn hàng hoá vận chuyển quốc tế qua đây. <i>* Chính trị - an ninh:</i> - Trong lịch sử, Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của nhiều nước lớn, đồng thời là nơi diễn ra quá trình giao thoa của các nền văn hoá như: Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa.... + Hiện nay, Biển Đông có vị trí địa - chính trị quan trọng đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.
3. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	- Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản. + Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật: cá và các loài động vật thân mềm như tôm, mực, hải sâm rong biển, tảo biển, rau câu,... + Có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Bên cạnh đó, vùng biển này còn có những nguồn tài nguyên khác như: năng lượng thủy triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất.....

TIẾT 3

Hoạt động 3 : Tìm hiểu về vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông

a. Mục tiêu

- Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo trên lược đồ.

b. Tổ chức hoạt động

** Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV sử dụng lược đồ Biển Đông và các quốc gia Đông Nam Á hiện nay (Hình 2 SGK)

+ GV yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp với tư liệu SGK xác định vị trí của các đảo và quần đảo của Việt Nam ở Biển Đông?

Nêu hiểu biết về quần đảo Trường sa, Hoàng sa?

** Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :*

- HS làm việc cá nhân, dựa vào tư liệu SGK, lược đồ để xác định được vị trí của các đảo và quần đảo.

** Bước 3: Báo cáo kết quả*

- GV lựa chọn ngẫu nhiên 1-2 HS báo cáo kết quả.
- HS khác có thể giơ tay phát biểu trình bày hoặc bổ sung kết quả HS trước đã trình bày.

** Bước 4. Kết luận – nhận định*

- GV nhận xét phần trình bày của học sinh, chốt kiến thức cơ bản.

Dựa trên cơ sở vị trí địa lí, điều kiện kinh tế, cư dân sinh sống, hệ thống các đảo và quần đảo của Việt Nam thường được chia thành:

- + Hệ thống đảo tiền tiêu : Thổ Chu, Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn,...
- + Các đảo lớn : Cô Tô, Cát Bà, Cù Lao Chàm,...
- + Các đảo ven bờ: các đảo thuộc huyện đảo Cát Bà, huyện đảo Bạch Long Vĩ,...
- + Hai quần đảo xa bờ là: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Quần đảo Hoàng Sa nằm trong khoảng từ $15^{\circ}45'B$ đến $17^{\circ}15'B$ và từ $111^{\circ}Đ$ đến $113^{\circ}Đ$, trải rộng trên vùng biển có diện tích khoảng 30.000 km^2 ; cách thành phố Đà Nẵng khoảng 170 hải lí và cách đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) khoảng 120 hải lí.
- Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa trên 200 hải lí về phía đông nam, nằm trong khoảng từ $6^{\circ}50'B$ đến $12^{\circ}0'B$ và từ $111^{\circ}30'Đ$ đến $117^{\circ}20'Đ$, cách vịnh Cam Ranh (Khánh Hòa) khoảng 248 hải lí.

Hoạt động 4 : Tìm hiểu về tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển Đông

a. Mục tiêu :

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

b. Tổ chức thực hiện

**Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV sử dụng hệ thống câu hỏi phát vấn, yêu cầu HS tìm hiểu tư liệu SGK, thảo luận theo cặp đôi trả lời câu hỏi:
 - + Giải thích vì sao các đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc?

** Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ :*

- HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp đôi, thống nhất nội dung để hoàn thành phần tìm hiểu của nhóm mình

** Bước 3: Báo cáo kết quả*

- GV giành thời gian để các nhóm báo cáo sản phẩm của mình .
- Đại diện các nhóm khác có thể giơ tay bổ sung kết quả các nhóm trước đã trình bày hoặc đặt các câu hỏi cho nhóm

** Bước 4. Kết luận – nhận định*

- GV nhận xét chung về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh
- GV chốt kiến thức cơ bản bằng cách chiếu nội dung cơ bản trên màn hình TV (máy chiếu)

*Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc. Cụ thể:

- + Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo ra cơ sở để phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; vận tải hàng hải và du lịch biển.

- + Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến đường hàng hải huyết mạch trên Biển Đông.
- + Có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh. Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố lại vững hơn kiến thức đã học và lĩnh hội được kiến thức mới mà học sinh học ở bài này

b. Nội dung: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS lập sơ đồ tư duy thể hiện tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông

c. Sản phẩm: sơ đồ tư duy

d. tổ chức thực hiện:

- GV hướng dẫn HS thực hiện
- HS thảo luận theo nhóm đã phân công và lập sơ đồ tư duy trên bảng phụ (giấy A0)
- GV yêu cầu các nhóm trưng bày sản phẩm trên bảng, GV lựa chọn 1-2 nhóm giới thiệu về sơ đồ tư duy của nhóm mình. Các nhóm nhận xét, bổ sung.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu : Phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn

b. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS sưu tầm hình ảnh, tư liệu về quần đảo Hoàng sa, Trường Sa. Giới thiệu hình ảnh tư liệu đó với thầy cô và các bạn

Thời gian hoàn thành và nộp sản phẩm trước 1 tiết khi bắt đầu bài học mới. GV giành 5 phút để HS giới thiệu sản phẩm trong tiết học tiếp sau.

Rút kinh nghiệm sau bài học

.....

Ngày soạn: 4/4/25

Tiết: 43, 44, 45, 46, 47:

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nội dung bài học cần nắm được:

- Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.
- Nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

2. Năng lực

* **Năng lực chung:**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

*** Năng lực riêng:**

- *Tìm hiểu lịch sử*: Thông qua khai thác các nguồn sử liệu để trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- *Nhận thức và tư duy lịch sử*: Thông qua khai thác nguồn thông tin, quan sát hình ảnh để phân tích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm; nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử;; nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

3. Phẩm chất

- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
- Bồi dưỡng các phẩm chất: khách quan, trung thực, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- SHS, SGV Lịch sử 11, Giáo án
- Phiếu học tập dành cho HS.
- Hình ảnh, lược đồ có liên quan đến nội dung bài học Việt Nam và Biển Đông.
- Máy tính, máy chiếu, tivi kết nối Internet.

2. Đối với học sinh

- SHS, SBT Lịch sử 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về Biển Đông.

b. Nội dung:

- GV cho HS quan sát hình ảnh về Biển Đông và Hình 1 - hoạt động đưa thuyền truyền thống trong Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi).

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày những hiểu biết của em về Biển Đông.*

+ *Theo em, Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) được nhân dân huyện đảo Lý Sơn tổ chức hằng năm có ý nghĩa gì?*

c. Sản phẩm: HS trình bày hiểu biết thực tế của bản thân về Biển Đông, ý nghĩa của Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh về Biển Đông và Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi).



Biển Đông



Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa



- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày những hiểu biết của em về Biển Đông.*

+ *Theo em, Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) được nhân dân huyện đảo Lý Sơn tổ chức hằng năm có ý nghĩa gì?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh về Biển Đông và Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi) và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày hiểu biết của bản thân về Biển Đông và ý nghĩa của Lễ khao lễ thể lính Hoàng Sa (Quảng Ngãi).

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức:

+ *Một số thông tin về Biển Đông:*

• *Biển Đông là tên riêng mà Việt Nam dùng để gọi vùng biển có tên quốc tế là South China Sea (tiếng Anh, nghĩa là biển ở phía Nam Trung Quốc), là một biển rìa lục địa và là một phần của Thái Bình Dương, trải rộng từ Singapore tới eo biển Đài Loan và bao phủ một diện tích khoảng 3.447.000 km².*

• Đây là biển lớn thứ tư thế giới, là đối tượng tranh chấp và xung đột giữa một vài quốc gia trong vùng. Cả Trung Quốc và Việt Nam đều theo đuổi các tuyên bố chủ quyền một cách mạnh mẽ. Các nước tranh chấp thường xuyên thông báo về các vụ va chạm giữa các tàu hải quân.

+ Ý nghĩa của Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa: Lễ khai lề thế lính Hoàng Sa nhằm tri ân, tưởng niệm những người lính của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải (được thành lập từ thế kỉ XVII) đã có công khai phá, cắm mốc chủ quyền và bảo vệ biển đảo của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Vậy Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam? Quá trình xác lập chủ quyền, quản lí liên tục và cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa diễn ra như thế nào? Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông là gì? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – **Bài 13: Việt Nam và Biển Đông.**

II. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Trình bày được tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh.
- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 1a, 1b, kết hợp quan sát Hình 2 SHS tr.84, 85 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi:

- + Trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh.
- + Nêu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh; các ngành kinh tế trọng điểm và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh:	1. Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam a. Về quốc phòng, an ninh - Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía, đường bờ biển dài khoảng 3260 km, có khoảng 4000 hòn đảo lớn nhỏ (trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). <i>Hợp thành hệ thống đảo bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền.</i> <i>Là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.</i> - Nằm trên tuyến giao thông biên huyết mạch, địa bàn chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. <i>à Bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam.</i> - Là con đường giao thương giữa các khu vực trong cả nước và giữa Việt Nam với thị trường khu vực và quốc tế.



- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 1a SHS tr.84 và trả lời câu hỏi: *Trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát một số hình ảnh Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.

- HS khai thác thông tin mục 1a để tìm hiểu về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu cho HS quan sát Hình 2 SHS tr.84 và một số hình ảnh về Biển Đông trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm:

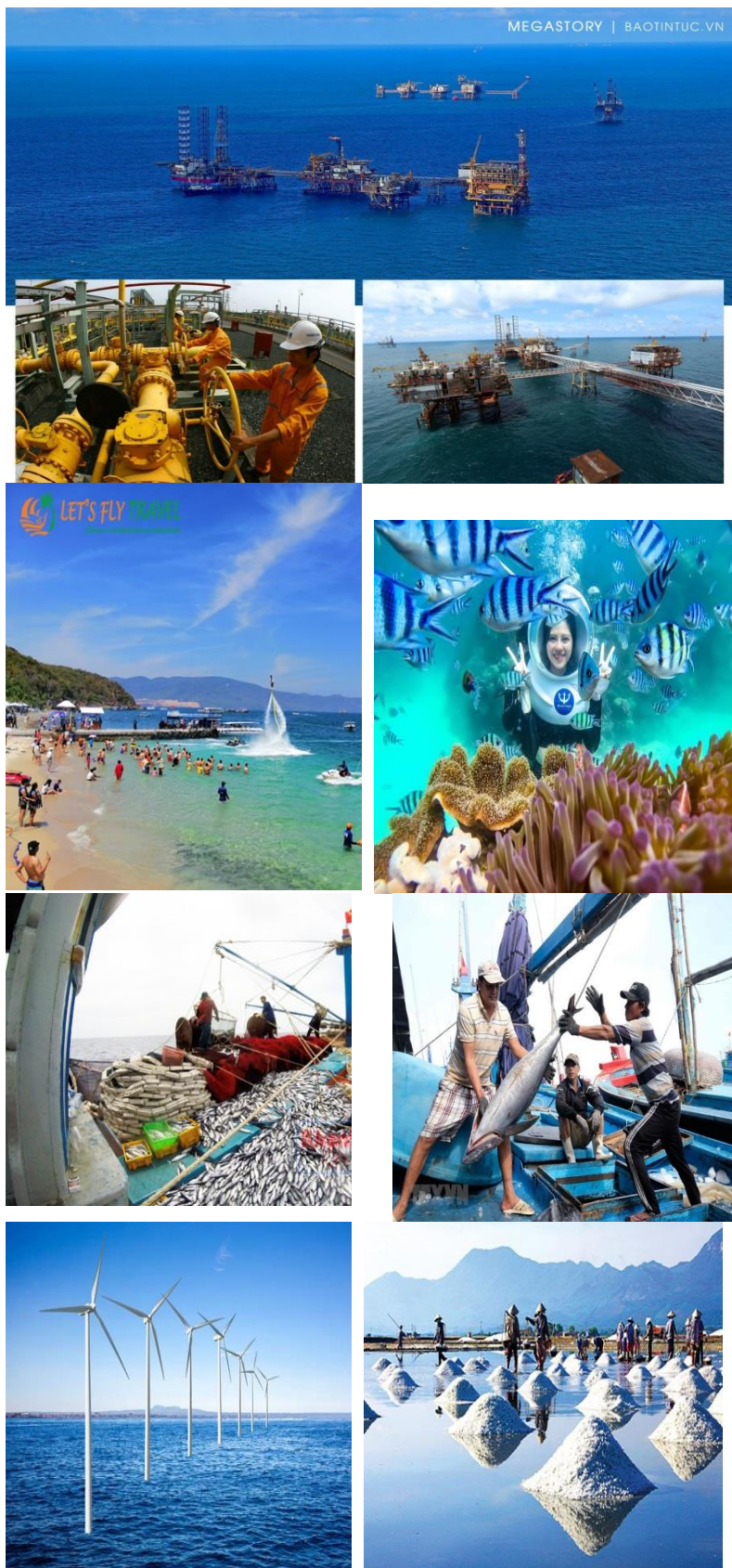


à *Giúp Việt Nam giao lưu và hội nhập với các nền văn hoá khác.*

à *Tạo ra cơ hội, thách thức trong việc bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá.*

b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Bảng tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm: *đính kèm bên dưới hoạt động.*



- GV chia HS cả lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6 HS/nhóm), yêu cầu các nhóm đọc thông tin mục 1b, kết hợp khai thác hình ảnh GV trình chiếu và thực hiện nhiệm vụ sau: *Nêu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.*

Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm			
Về giao thông hàng hải	Về công nghiệp khai khoáng	Về khai thác tài nguyên sinh vật biển	Về du lịch
Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát GV trình chiếu một số hình ảnh về Biển Đông trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - HS thảo luận theo nhóm, nêu tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm theo bảng mẫu. - GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm. - GV kết luận: Là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng, tài nguyên phong phú, Biển Đông góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như giao thông hàng hải, công nghiệp khai khoáng, khai thác tài nguyên sinh vật biển, nuôi trồng thủy sản, du lịch,... - GV chuyển sang nội dung mới.			

TẦM QUAN TRỌNG CHIẾN LƯỢC CỦA BIỂN ĐÔNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM

Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm			
Về giao thông hàng hải	Về công nghiệp khai khoáng	Về khai thác tài nguyên sinh vật biển	Về du lịch
- Hệ thống các cảng biển nước sâu và cảng trung bình được xây dựng dọc bờ Biển Đông. <i>Thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải.</i>	- Dầu khí ở thêm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn. - Vùng biển Việt Nam có tiềm năng lớn về quặng sa khoáng.	Đa dạng về sinh học. Trữ lượng cá biển trên các vùng biển của Việt Nam khoảng 3 - 4 triệu tấn.	- Cảnh quan đa dạng, nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động.... - Các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể du lịch, phù hợp để phát triển đa dạng

			nhiều loại hình du lịch.
--	--	--	--------------------------



Cảng Hải Phòng



Cảng Sài Gòn



Bể trầm tích Cửu Long



Bể trầm tích Nam Côn Sơn



Bãi biển Non Nước (Đà Nẵng)



Đảo Phú Quốc (Kiến Giang)

Hoạt động 2. Tìm hiểu lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Trình bày được những nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 2a, 2b, kết hợp quan sát Hình 3 - 6 SHS tr.85 – 88 và một số hình ảnh GV cung cấp để trả lời câu hỏi:

+ *Trình bày quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

+ *Trình bày những nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền, lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin mục 2a, kết hợp khai thác Hình 3, Hình 4 SHS, mục Góc mở rộng SHS tr.85 – 87 và trả lời câu hỏi: <i>Trình bày quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.</i> - GV hướng dẫn HS có thể trình bày trên trục thời gian quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo các giai đoạn: + <i>Thế kỉ XVII.</i> + <i>Thế kỉ XVIII.</i> + <i>Thế kỉ XIX.</i> + <i>Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</i> + <i>Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.</i> Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận nhóm đôi, đọc thông tin mục 2a kết hợp quan sát hình 3, 4 SHS tr.85 – 87 để tìm hiểu về quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa (gạch ý hoặc biểu diễn trên trục thời gian). - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - GV yêu cầu HS lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - GV kết luận: + <i>Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.</i>	2. Tìm hiểu lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - <i>Thế kỉ XVII:</i> chúa Nguyễn lập Đội Hoàng Sa, khai thác sản vật. à Thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. - <i>Đầu thế kỉ XVIII:</i> chúa Nguyễn Phúc Chu lập đội Bắc Hải, khai thác sản vật. à Thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực Bắc Hải, đảo Côn Lôn, các đảo Hà Tiên. - <i>Cuối thế kỉ XIX – năm 1945:</i> Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. - <i>Sau Chiến tranh thế giới thứ hai:</i> Pháp chuyển giao quyền kiểm soát hai quần đảo cho Chính phủ quốc gia Việt Nam. - <i>Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975:</i> Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: + Thực thi quyền quản lí hành chính. + Đấu tranh pháp lí, ngoại giao, khẳng định chủ quyền của Việt

+ Năm 1982, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Khánh Hòa) và huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc thành phố Đà Nẵng).



Huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Khánh Hòa)



Huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc thành phố Đà Nẵng)

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận cặp đôi, đọc thông tin mục 2b, kết hợp quan sát Hình 5, 6 SHS tr.87, 88 và trả lời câu hỏi:

Trình bày những nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

- GV trình chiếu cho HS quan sát thêm một số hình ảnh về bảo vệ và thực thi chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông:

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

b. Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Các cuộc đấu tranh diễn ra với những hình thức: vũ trang tự vệ, đàm phán ngoại giao, bảo vệ và hỗ trợ ngư dân bám biển.

- Nhà nước Việt Nam ban hành nhiều chính sách, biện pháp, hành động:

+ Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển phát triển mạnh.

+ Xây dựng lực lượng quân lĩ, bảo vệ biển đảo về mọi mặt.

+ Thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh tuyên truyền chủ quyền biển đảo.

- HS làm việc nhóm đôi, đọc thông tin mục 2b, kết hợp quan sát hình ảnh do GV cung cấp để tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày những nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - GV kết luận: <i>Từ thế kỉ XVII đến nay, nhà nước Việt Nam đã liên tục tiến hành các cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</i> - GV chuyển sang nội dung mới.	
--	--

Hoạt động 3. Tìm hiểu chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được chủ trương của Việt Nam của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS đọc thông tin mục 3 kết hợp Hình 7 SHS tr.88, 89 để tìm hiểu chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin mục 3 kết hợp quan sát Hình 7 SHS tr.88, 89 và trả lời câu hỏi: <i>Cho biết chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông.</i> - GV hướng dẫn HS khai thác Bảng 1 SHS tr.89 để tìm hiểu về biện pháp thực hiện chủ trương giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình của Việt Nam. Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc, khai thác thông tin mục 2 SHS tr.88, 89 để tìm hiểu về chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày về chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.	3. Tìm hiểu chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình Việt Nam ban hành các văn bản luật khẳng định, thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012, tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử các biển ở Biển Đông (DOC).

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức về chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình: *Trong bối cảnh toàn cầu hoá, xu thế liên kết và hội nhập quốc tế sâu rộng đang diễn ra, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với luật pháp quốc tế.*

III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về Biển Đông.

b. Nội dung:

- GV phát Phiếu bài tập cho HS làm việc cá nhân; HS vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế về Biển Đông để hoàn thành nhanh Phiếu bài tập.

- GV hướng dẫn HS hoàn thành câu hỏi bài tập phần Luyện tập SHS tr.89.

c. Sản phẩm:

- Phiếu bài tập.

- Chứng minh “Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử”.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Hoàn thành Phiếu bài tập

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV phát *Phiếu bài tập* cho HS và yêu cầu HS hoàn thành trong 7 – 10 phút.

Trường THPT:.....

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

Thời gian: 10 phút

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về Biển Đông của Việt Nam?

- A. Đường bờ biển dài khoảng 3260 km, có khoảng 4000 hòn đảo lớn nhỏ nằm gần bờ và xa bờ.
- B. Quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Côn Sơn hợp thành hệ thống đảo để bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền.
- C. Các đảo và quần đảo trên Biển Đông là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.
- D. Việt Nam giáp với Biển Đông ở ba phía: đông, nam và tây nam.

Câu 2. Vùng biển Việt Nam chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng nào?

- A. Thạch cao.
- B. Cát đen.
- C. Ti-tan.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 3. Chúa Nguyễn cho lập Đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa vào:

- A. Thế kỉ XVI.
- B. Thế kỉ XVII.
- C. Thế kỉ XVIII.

D. Thế kỉ XIX.

Câu 4. Đội Bắc Hải **không** thực hiện nhiệm vụ khai thác sản vật, kiểm tra, kiểm soát, thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực:

A. Bắc Hải.

B. Đảo Hoàng Sa.

C. Các đảo ở Cát Tiên.

D. Đảo Côn Lôn.

Câu 5. Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định thành lập huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Hoàng Sa năm:

A. 1980.

B. 1981.

C. 1982.

D. 1983.

Câu 6. Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Biển Đông diễn ra dưới hình thức:

A. Vũ trang tự vệ.

B. Bảo vệ và hỗ trợ ngư dân bám biển.

C. Đàm phán ngoại giao.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 7. Điều **không** phải là văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam?

A. Luật Biển Việt Nam (2012).

B. Luật Dân quân tự vệ (2019).

C. Luật Dân sự (2015).

D. Hiến pháp (2013).

Câu 8. Việt Nam là một trong bao nhiêu quốc gia kí Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982?

A. 107 quốc gia.

B. 109 quốc gia.

C. 108 quốc gia.

D. 106 quốc gia.

Câu 9. Tuyên bố về ứng xử các bên ở Biển Đông là văn kiện được các nước ASEAN và Trung Quốc vào:

A. Ngày 11/4/1998.

B. Ngày 4/4/1996.

C. Ngày 4/11/2002.

D. Ngày 2/1/1991.

Câu 10. Ý nào dưới đây **không** đúng khi nói về tầm quan trọng của Biển Đông về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm?

A. Hệ thống các các biển nước sâu và cảng trung bình được xây dựng dọc bờ Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải.

B. Vùng biển Việt Nam chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng.

C. Biển Đông là vùng biển đa dạng về sinh học.

D. Bãi biển non nước (tỉnh Quảng Ninh), đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang),...phù hợp để phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết thực tế về Biển Đông để hoàn thành nhanh *Phiếu bài tập*.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV thu Phiếu bài tập và mời đại diện 1 – 2 HS đọc đáp án:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	B	B	C	D	C	A	C	D

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi phần Luyện tập SHS tr.89

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi.
- GV giao nhiệm vụ cho HS: *Chứng minh “Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử”.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và gợi ý cho HS: *Chứng minh “Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử”.*

+ *Thế kỉ XVII: chúa Nguyễn lập Đội Hoàng Sa, khai thác sản vật.*

à Thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

+ *Đầu thế kỉ XVIII: chúa Nguyễn Phúc Chu lập đội Bắc Hải, khai thác sản vật.*

à Thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực Bắc Hải, đảo Côn Lôn, các đảo Hà Tiên.

+ *Cuối thế kỉ XIX – năm 1945: Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

+ *Sau Chiến tranh thế giới thứ hai: Pháp chuyển giao quyền kiểm soát hai quần đảo cho Chính phủ quốc gia Việt Nam.*

+ *Sau Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:*

- *Thực thi quyền quản lý hành chính.*
- *Đấu tranh pháp lí, ngoại giao, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.*

- GV chuyển sang nội dung mới.

IV. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS mở rộng kiến thức đã học, liên hệ bản thân.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS hoàn thành câu hỏi bài tập 1, 2 phần Vận dụng.

c. Sản phẩm:

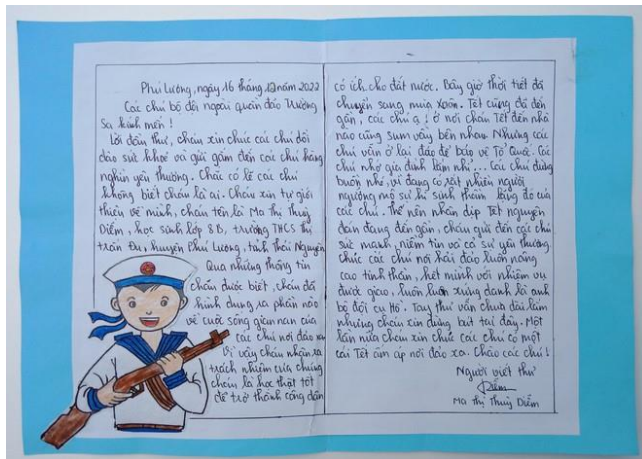
- Lá thư gửi các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- Những việc công dân cần làm để đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Trả lời câu hỏi bài tập 1 SHS tr.89

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân: *Viết một lá thư gửi các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, đảo Việt Nam nhân dịp năm mới.*
- GV trình chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh có liên quan:



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, tình cảm, cảm nhận về các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, đảo Việt Nam để hoàn thành lá thư.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS nộp sản phẩm vào bài học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá và chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi bài tập 2 SHS tr.89

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân: *Nêu những việc làm mà một công dân có thể đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng hiểu biết thực tế, liên hệ bản thân để trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày về những việc làm mà một công dân có thể đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung hoặc đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và gợi ý: *Một số việc làm mà một công dân có thể đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông:*

- + *Giương mãi chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân.*
- + *Tham gia giữ gìn, đấu tranh và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.*
- + *Chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong bảo vệ chủ quyền biển đảo với địa phương, các cấp chính quyền,....*
- + *Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ chủ quyền biển đảo.*

+

- GV kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:

- + *Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.*
- + *Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.*

- + *Nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*
- + *Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.*
- Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.
- Trả lời câu hỏi Bài 13 – Sách bài tập.
- Ôn lại nội dung kiến thức cuối học kì 2.

Ngày soạn: 4/4/25

Tiết: 48, 49, 50 THỰC HÀNH

Tiết 50: ÔN TẬP

Tiết 52: KIỂM TRA CUỐI HK2